

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Sinh viên: Đặng Duy Thành

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH VÀ CẢI THIỆN TÌNH HÌNH
TÀI CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
KỸ THUẬT BẢO AN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Sinh viên : Đặng Duy Thành

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Cao Thị Thu

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Duy Thành

Mã SV: 1712404002

Lớp : QT2101T

Ngành : Quản trị kinh doanh

Tên đề tài: Phân tích tài chính và cải thiện tình hình tài chính Công ty
Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

Chương 1: Cơ sở lý luận về tài chính và cải thiện tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Chương 2: Phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An.

Chương 3: Biện pháp cải thiện tình hình tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An

Địa chỉ: Số 3A phố Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Cao Thị Thu

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Toàn bộ khóa luận tốt nghiệp

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 17 tháng 02 năm 2025.

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 10 tháng 05 năm 2025.

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Đặng Duy Thành

Cao Thị Thu

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên:

Đơn vị công tác: *Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng*

Họ và tên sinh viên: Chuyên ngành:

Đề tài tốt nghiệp:

.....

Nội dung hướng dẫn:

.....

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

.....

.....

.....

.....

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan khoá luận tốt nghiệp với đề tài: **“Phân tích tài chính và cải thiện tình hình tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An”** là do em thực hiện dưới sự hướng dẫn của Thạc sĩ Cao Thị Thu và không hề sao chép của ai. Mọi thông tin, số liệu, bảng biểu và kết quả nghiên cứu trong khoá luận tốt nghiệp do em trực tiếp thu thập trong quá trình thực tập tại công ty.

Để hoàn thành bài khoá luận này, những nguồn tài liệu tham khảo được em đã trích dẫn đầy đủ, ngoài ra em không sử dụng bất cứ tài liệu nào khác. Nếu có sai sót, em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Sinh viên

Đặng Duy Thành

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành tốt kế hoạch báo cáo thực tập vừa qua cũng như khóa luận tốt nghiệp này, em đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ và góp ý nhiệt tình của quý thầy cô giáo trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng cũng như Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An. Với tình cảm chân thành của mình, em xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến tất cả các cá nhân và cơ quan đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành khoá luận.

Trước hết em xin chân thành cảm ơn các thầy giáo, cô giáo khoa Quản trị kinh doanh cùng với sự quan tâm, dạy dỗ, chỉ bảo tận tình, chu đáo, đến nay em đã có thể hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

Đồng thời em xin cảm ơn quý anh, chị và Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An đã tạo điều kiện đầy đủ và trực tiếp giúp đỡ em, giải đáp mọi thắc mắc trong suốt quá trình em được thực tập, làm cơ sở cho em hoàn thành khoá luận.

Với tất cả sự tâm huyết và cố gắng trong quá trình nghiên cứu đề tài, song do trình độ, hiểu biết và thời gian nghiên cứu có hạn cho nên bài khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của các thầy cô để có điều kiện bổ sung, hoàn thiện khoá luận đồng thời nâng cao ý thức của mình, phục vụ tốt hơn cho công tác sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
CP	Cổ phần
CSH	Chủ sở hữu
DTBH	Doanh thu bán hàng
DTT	Doanh thu thuần
DV	Dịch vụ
HTK	Hàng tồn kho
KPT	Khoản phải thu
KQHĐKD	Kết quả hoạt động kinh doanh
LN	Lợi nhuận
LNG	Lợi nhuận gộp
LNT	Lợi nhuận thuần
NNH	Nợ ngắn hạn
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
ROA	Return On total Assets (Tỷ suất lợi nhuận trên tổng nguồn vốn)
ROE	Return On Equity (Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu)
TCDN	Tài chính doanh nghiệp
TĐT	Tương đương tiền
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
TSDH	Tài sản dài hạn
TSLĐ	Tài sản lưu động
TSNH	Tài sản ngắn hạn
VLĐ	Vốn lưu động

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Bảng 1.1: Bảng phân tích cơ cấu tài sản.....	17
Bảng 1.2: Bảng phân tích cơ cấu nguồn vốn	18
Bảng 1.3: Bảng phân tích kết quả hoạt động kinh doanh	19
Bảng 2.1: Bảng phân tích cơ cấu tài sản Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024 theo chiều dọc.....	31
Bảng 2.2: Bảng phân tích sự biến động tài sản Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024 theo chiều ngang.....	34
Bảng 2.3: Bảng phân tích cơ cấu nguồn vốn Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024 theo chiều dọc.....	35
Bảng 2.4: Bảng phân tích sự biến động nguồn vốn Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024 theo chiều ngang.....	37
Bảng 2.5: Bảng phân tích sự cân đối giữa TSNH và NNH của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024.....	38
Bảng 2.6: Bảng phân tích sự cân đối giữa TSDH và vốn CSH của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024.....	38
Bảng 2.7: Bảng phân tích báo cáo KQHĐKD của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024 theo chiều ngang.....	39
Bảng 2.8: Bảng phân tích báo cáo KQHĐKD của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024 theo chiều dọc.....	40
Bảng 2.9: Bảng phân tích nhóm chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024.....	41
Bảng 2.10: Bảng phân tích nhóm chỉ số cơ cấu nguồn vốn và tình hình đầu tư của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024.....	44
Bảng 2.11: Bảng phân tích nhóm chỉ số về khả năng hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024.....	45
Bảng 2.12: Bảng phân tích nhóm chỉ tiêu sinh lời của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024.....	47

Bảng 2.13: Bảng phân tích khái quát tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024.....50

Bảng 3.1: Bảng dự kiến kết quả đạt được của biện pháp tăng tốc độ thu hồi vốn bằng cách giảm các khoản phải thu.....56

Sơ đồ 2.1: : Bộ máy tổ chức của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An.....29

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	1
2.2 Mục đích nghiên cứu cụ thể.....	1
3. Câu hỏi nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4.1 Đối tượng nghiên cứu	2
4.2 Phạm vi nghiên.....	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	2
6. Nội dung của khóa luận.....	3
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÀI CHÍNH VÀ CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP	4
1.1 Tổng quan về tài chính doanh nghiệp	4
1.1.1 Khái niệm tài chính doanh nghiệp	4
1.1.2 Nội dung của tài chính doanh nghiệp	4
1.1.3 Chức năng và vai trò của tài chính doanh nghiệp	5
1.1.3.1 Chức năng của tài chính doanh nghiệp	6
1.1.3.2 Vai trò của tài chính doanh nghiệp	7
1.1.4 Nghĩa vụ tài chính trong doanh nghiệp.....	8
1.2 Quản trị tài chính doanh nghiệp	9
1.2.1 Khái niệm tài chính doanh nghiệp	9
1.2.2 Vai trò của quản trị tài chính doanh nghiệp	9
1.2.3 Nội dung của quản trị tài chính doanh nghiệp	9
1.2.4 Những nhân tố ảnh hưởng tới quản trị tài chính doanh nghiệp	10
1.2.4.1 Hình thức pháp lý của doanh nghiệp.....	10
1.2.4.2 Đặc điểm kinh tế kỹ thuật của ngành kinh doanh.....	10
1.2.4.3 Môi trường kinh doanh.....	10

1.3 Phân tích tài chính doanh nghiệp.....	11
1.3.1 Vai trò của phân tích tài chính doanh nghiệp.....	11
1.3.2 Mục tiêu của phân tích tài chính doanh nghiệp.....	12
1.3.3 Các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp	13
1.3.3.1 Phương pháp so sánh.....	13
1.3.3.2 Phương pháp tỷ lệ.....	14
1.3.3.3 Phương pháp Dupont.....	14
1.4 Nội dung của phân tích tài chính doanh nghiệp	15
1.4 Nội dung của phân tích tài chính doanh nghiệp	15
1.4.1 Tài liệu cần sử dụng để phân tích tài chính doanh nghiệp	15
1.4.2 Phân tích tài chính doanh nghiệp.....	15
1.4.2.1 Phân tích tài chính doanh nghiệp thông qua bảng cân đối kế toán	15
1.4.2.2 Phân tích tài chính doanh nghiệp thông qua bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	18
1.4.3 Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng của doanh nghiệp.....	19
1.4.3.1 Nhóm chỉ số về khả năng thanh toán	20
1.4.3.2 Nhóm chỉ số về cơ cấu nguồn vốn và tình hình đầu tư	22
1.4.3.3 Nhóm chỉ số hoạt động.....	23
1.4.3.4 Nhóm chỉ tiêu sinh lời	25
1.4.4 Phân tích phương trình Dunpont	26
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT BẢO AN	28
2.1 Giới thiệu tổng quan về Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An.....	28
2.1.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức	29
2.1.2 Ngành nghề kinh doanh	30
2.2 Phân tích tình hình tài chính tại Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An.....	31
2.2.1 Phân tích bảng cân đối kế toán	31
2.2.1.1 Phân tích cơ cấu tài sản	31

2.2.1.2 Phân tích cơ cấu nguồn vốn.....	35
2.2.1.3 Phân tích sự cân đối tài sản và nguồn vốn	37
2.2.2 Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	38
2.2.3 Phân tích các nhóm chỉ tiêu tài chính	41
2.2.3.1 Nhóm chỉ số về khả năng thanh toán	41
2.2.3.2 Nhóm chỉ số về cơ cấu nguồn vốn và tình hình đầu tư	43
2.2.3.3 Nhóm chỉ số về khả năng hoạt động	45
2.2.3.4 Nhóm chỉ tiêu sinh lời	47
2.2.4 Phân tích tổng quát tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An	49
CHƯƠNG 3: BIỆN PHÁP CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT BẢO AN.....	52
3.1 Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An..	52
3.1.1 Xác định mục tiêu, chiến lược kinh doanh trong giai đoạn mới.....	52
3.1.2 Phương hướng phát triển của công ty giai đoạn 2025 – 2030.....	52
3.2 Một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An.....	52
3.2.1 Tăng tốc độ thu hồi vốn bằng cách giảm các khoản phải thu	52
3.2.1.1 Căn cứ của biện pháp	53
3.2.1.2 Mục tiêu của biện pháp	54
3.2.1.3 Nội dung của biện pháp	54
3.2.1.4 Dự kiến kết quả đạt được của biện pháp	55
3.2.2 Thay đổi cơ cấu nguồn vốn bằng cách tăng tỷ trọng vốn chủ sở hữu...	57
3.2.2.1 Căn cứ của biện pháp	58
3.2.2.2 Mục tiêu của biện pháp	58
3.2.2.3 Nội dung của biện pháp	59
3.2.2.4 Dự kiến kết quả đạt được của biện pháp	59
3.2.3 Kiểm soát sử dụng chi phí quản lý doanh nghiệp	67

3.2.3.1 Căn cứ của biện pháp	60
3.2.3.2 Mục tiêu của biện pháp	60
3.2.3.3 Nội dung của biện pháp	60
3.2.3.4 Dự kiến kết quả đạt được của biện pháp	61
3.3 Một số kiến nghị về tài chính và cải thiện tình hình tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An	61
KẾT LUẬN	64
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	65

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, cùng với sự đổi mới của nền kinh tế và sự cạnh tranh quyết liệt của các thành phần kinh tế đã gây ra nhiều khó khăn, thử thách cho các doanh nghiệp trên đà phát triển. Phân tích tài chính ngày càng trở nên quan trọng và cần thiết không chỉ với các nhà quản lý mà còn thu hút sự quan tâm chú ý của nhà đầu tư. Việc thường xuyên phân tích tình hình tài chính sẽ giúp nhà quản trị thấy rõ thực trạng hoạt động tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng như xác định được nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh cũng như rủi ro tài chính trong tương lai của doanh nghiệp, giúp nhà lãnh đạo đưa ra những giải pháp nhằm cải thiện tài chính và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phân tích tài chính đối với sự phát triển của doanh nghiệp, kết hợp với lý luận được tiếp thu ở trường và tài liệu thu thập thực tế, em đã lựa chọn đề tài: **“Phân tích tài chính và cải thiện tình hình tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An”** cho khóa luận tốt nghiệp của mình. Đề tài nhằm tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích và đánh giá tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp với mong muốn nghiên cứu sâu hơn nhằm đưa ra các giải pháp để giải quyết được vấn đề nêu trên.

2. Mục đích nghiên cứu

2.1 Mục đích nghiên cứu tổng quát

Đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận về tài chính doanh nghiệp nói chung và nghiên cứu tình hình tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An nói riêng từ đó phân tích, đánh giá, tổng hợp nhằm tìm ra các biện pháp cải thiện tình hình tài chính cho doanh nghiệp.

2.2 Mục đích nghiên cứu cụ thể

- Cụ thể hóa lý luận về tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An.
- Phân tích báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An.
- Áp dụng các chỉ số tài chính để đánh giá tài chính và cải thiện tình hình tài chính trong thời gian sắp tới.

3. Câu hỏi nghiên cứu

- Tại sao cần phải phân tích tài chính doanh nghiệp?
- Các chỉ tiêu tài chính đặc trưng của doanh nghiệp là gì?
- Vận dụng các phương pháp trong phân tích tài chính doanh nghiệp đối với Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An như thế nào?
- Các chỉ số về doanh thu, chi phí, lợi nhuận của công ty thay đổi như thế nào qua các năm?
- Cần những nguồn thông tin nào để phân tích tài chính và định hướng cải thiện tình hình tài chính cho công ty?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu tình hình tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Số liệu tài chính thu thập được từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024.

5. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong khóa luận gồm có:

- Phương pháp thu thập tài liệu liên quan đến báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An.
- Phương pháp so sánh: Vận dụng các phép so sánh, tiêu chuẩn so sánh, điều kiện so sánh và kỹ thuật so sánh trong phân tích tài chính.
- Phương pháp loại trừ: Sử dụng trong phân tích tài chính nhằm xác định được mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến chỉ tiêu tài chính, là công cụ hỗ trợ quá trình ra quyết định tài chính.
- Phương pháp cân đối liên hệ: Cân đối giữa tài sản và nguồn vốn; giữa doanh thu, chi phí và kết quả; giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra; cân đối giữa sự tăng và giảm các chỉ số đánh giá tài chính.
- Phương pháp phân tích tương quan giữa những số liệu tài chính trên báo cáo tài chính.

6. Nội dung của khóa luận

Chương 1: Cơ sở lý luận về tài chính và cải thiện tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Chương 2: Phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An.

Chương 3: Biện pháp cải thiện tình hình tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÀI CHÍNH VÀ CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Tổng quan về tài chính doanh nghiệp

Đối với doanh nghiệp và các nhà đầu tư, tình hình tài chính doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng và là vấn đề được quan tâm hàng đầu. Một doanh nghiệp biết cách quản lý tài chính chuyên nghiệp, hiệu quả sẽ dễ dàng sinh lợi hơn. Tài chính doanh nghiệp là gì và có vai trò ra sao? Em xin được trình bày qua các nội dung dưới đây.

1.1.1 Khái niệm tài chính doanh nghiệp

Tài chính doanh nghiệp là một hệ thống các quan hệ kinh tế dưới hình thái giá trị phát sinh trong quá trình doanh nghiệp tạo lập, phân phối nguồn tài chính và tiền tệ. Quá trình chu chuyển nguồn vốn nhằm phục vụ mục đích sản xuất để đạt được mục tiêu chung của doanh nghiệp. Về bản chất, tài chính doanh nghiệp chỉ các hoạt động liên quan đến hệ thống quản lý tài chính doanh nghiệp, bắt đầu từ khâu huy động vốn đến sử dụng nguồn vốn vào quy trình sản xuất, kinh doanh.

Đặc trưng cơ bản của tài chính doanh nghiệp:

- Liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Bị chi phối bởi tính chất sở hữu vốn trong mỗi doanh nghiệp và mục tiêu lợi nhuận.
- Cần đảm bảo nguyên tắc tôn trọng pháp luật trong mọi quy trình.

1.1.2 Nội dung của tài chính doanh nghiệp

Tài chính doanh nghiệp thường bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Lập kế hoạch đầu tư: Nhà quản trị cần tìm kiếm các cơ hội đầu tư có khả năng mang lại lợi nhuận, lên kế hoạch chi tiêu, dự tính doanh thu, lợi nhuận, các rủi ro tài chính có thể xảy ra,...
- Quyết định đầu tư: Căn cứ vào quá trình hoạch định, dự toán vốn đầu tư và đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư, nhà quản trị có kế hoạch đưa ra quyết định đầu tư.

- Xác định nhu cầu vốn, huy động vốn: Căn cứ trên kết cấu nguồn vốn, hình thức huy động, ưu và nhược điểm của từng hình thức huy động, chi phí sử dụng nguồn vốn,...

- Theo dõi và quản lý chặt chẽ nguồn vốn, các khoản thu, chi để đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

- Phân phối lợi nhuận, lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp.

- Kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ số tài chính nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và đưa ra các quyết định trong hoạt động tài chính và kinh doanh.

- Triển khai kế hoạch tài chính doanh nghiệp: Cụ thể hóa bằng các quyết định liên quan đến tài chính doanh nghiệp, các quyết định tài chính chiến lược như quyết định đầu tư, vay vốn, huy động vốn hay phân chia lợi nhuận.

Các quan hệ tài chính trong doanh nghiệp gồm có:

- *Quan hệ giữa doanh nghiệp với nhà nước:*

Được thể hiện qua việc nhà nước cấp vốn cho doanh nghiệp hoạt động (đối với các doanh nghiệp nhà nước) và các doanh nghiệp thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước như nộp các khoản thuế và lệ phí,...

- *Quan hệ giữa doanh nghiệp với các chủ thể kinh tế khác:*

Ví dụ quan hệ thanh toán trong việc vay và cho vay vốn, đầu tư vốn, mua hoặc bán tài sản, vật tư hàng hóa và các dịch vụ khác.

- *Quan hệ trong nội bộ doanh nghiệp:*

Được thể hiện trong việc thanh toán tiền lương, tiền công và thực hiện các khoản tiền thưởng, tiền phạt với nhân viên, quan hệ thanh toán giữa các bộ phận trong doanh nghiệp, trong việc phân phối lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp, phân chia lợi tức cho các cổ đông, việc hình thành các quỹ của doanh nghiệp,...

1.1.3 Chức năng và vai trò của tài chính doanh nghiệp

Trong số những mảng cấu thành doanh nghiệp, tình hình tài chính được quan tâm hàng đầu vì có chức năng và vai trò quan trọng, được ví như “sức khỏe” của doanh nghiệp.

1.1.3.1 Chức năng của tài chính doanh nghiệp

Mỗi doanh nghiệp đều cần có một bộ phận chuyên quản lý tài chính của doanh nghiệp. Tình hình tài chính ổn thì doanh nghiệp mới hoạt động được ổn định. Tài chính doanh nghiệp có các chức năng chính như sau:

- *Triển khai kế hoạch và ra quyết định đầu tư tài chính:*

Nhà quản lý tài chính cần dựa vào những thông tin thị trường được phân tích mà lên kế hoạch tìm kiếm các cơ hội đầu tư có khả năng mang lại lợi nhuận. Từ đó lập nên một bản kế hoạch chi tiết về các khoản chi tiêu, dự tính doanh thu, lợi nhuận, đánh giá kỹ lưỡng về các rủi ro có thể xảy ra,...

Căn cứ vào quá trình hoạch lập kế hoạch, dự toán vốn đầu tư, đánh giá hiệu quả của dự án mà nhà quản lý chọn lựa và đưa ra quyết định đầu tư vào các tài sản và dự án để tạo ra giá trị cho doanh nghiệp.

- *Huy động nguồn vốn:*

Sau khi ra quyết định đầu tư thì tiếp đến sẽ thực hiện một trong những hoạt động tài chính quan trọng của doanh nghiệp là huy động nguồn vốn. Đây là một hoạt động tài chính mà mọi doanh nghiệp cần thực hiện để đảm bảo nguồn lực tài chính đủ duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.

Những lựa chọn huy động vốn phổ biến hiện nay mà các doanh nghiệp đều cân nhắc đến là vay ngân hàng, phát hành cổ phiếu thông qua thị trường chứng khoán hoặc phát hành trái phiếu để thu hút vốn từ những nhà đầu tư, tối ưu hóa quản lý lưu chuyển tiền nội bộ để giảm cần thiết phải huy động vốn từ bên ngoài,...

- *Sử dụng vốn:*

Khi đã có một nguồn vốn đủ mạnh để tiến hành các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì các nhà quản lý tài chính cần phải đưa ra những quyết định để sử dụng nguồn vốn một cách phù hợp. Nguồn vốn được các nhà quản lý chia ra thành các phần, phục vụ cho hoạt động vận hành của doanh nghiệp.

Hiện nay, nguồn vốn chủ yếu được sử dụng để đầu tư vào tài sản cố định (máy móc, cơ sở hạ tầng,...) nhằm tạo ra năng lực sản xuất cho hoạt động kinh doanh, đầu tư vào mục tiêu mở rộng kinh doanh, thanh toán nợ và tái cơ cấu nợ, sử dụng vốn để duy trì các hoạt động hằng ngày như trả lương nhân viên,

thanh toán hóa đơn, chi trả các chi phí vận hành,... giúp đảm bảo tính ổn định trong quá trình kinh doanh.

- Quản lý nguồn vốn:

Có thể hiểu một cách đơn giản việc quản lý vốn bao gồm các hoạt động như phân phối, theo dõi, giám sát nguồn vốn của doanh nghiệp.

Dựa vào những biến động của thị trường, các báo cáo tài chính mà người quản lý tài chính có thể phân phối nguồn vốn hợp lý, cân chỉnh làm sao để tránh việc chi một cách lãng phí đồng thời tối ưu hóa được những lợi ích đem lại cho doanh nghiệp.

Trong quá trình phân phối nguồn vốn cho các hoạt động doanh nghiệp thì cũng cần thường xuyên giám sát sự luân chuyển nguồn vốn đã được phân chia, lập kế hoạch đánh giá, phân tích để từ đó điều chỉnh lại việc phân phối nguồn vốn dựa theo những biến động mà các nhà quản lý có thể dự trù trước. Việc quản lý vốn tốt giúp doanh nghiệp có thể linh hoạt và sẵn sàng đối phó với mọi tình huống đột ngột xảy ra trong thị trường kinh tế.

Nhân sự phụ trách quản lý tài chính doanh nghiệp có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra quá trình luân chuyển nguồn vốn nhằm đề xuất phù hợp để nâng cao hiệu quả kiểm soát nguồn vốn.

- Phân phối thu nhập:

Nguồn vốn của công ty cần được sử dụng vào mục đích phù hợp, chính đáng và tối ưu nhằm đạt hiệu quả sử dụng nguồn vốn cao nhất.

1.1.3.2 Vai trò của tài chính doanh nghiệp

Tài chính đóng vai trò chủ chốt, là một trong những chìa khóa quan trọng trong quy trình vận hành doanh nghiệp. Đây là công cụ để quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Một số vai trò chính của tài chính doanh nghiệp đó là:

- Tăng hiệu quả và nguồn huy động vốn: Tài chính doanh nghiệp đảm bảo việc huy động vốn được diễn ra đều đặn, liên tục, duy trì tính ổn định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Nghĩa là việc huy động vốn đảm bảo cho hoạt động của doanh nghiệp được diễn ra bình thường.

- Tối ưu hóa lợi nhuận, giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp: Việc quản lý tài chính hiệu quả giúp doanh nghiệp giảm chi phí, tăng doanh thu và tối ưu hóa lợi nhuận. Ngoài ra để giảm thiểu tác động tiêu cực của những yếu tố biến động trong nền kinh tế, các nhà quản lý tài chính thường xuyên áp dụng các chiến lược như đa dạng hóa nguồn thu nhập và đầu tư, giảm thiểu rủi ro bằng cách phân phối vào nhiều lĩnh vực khác nhau.

- Góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp: Hoạt động tài chính sẽ cung cấp nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, giảm các khoản lãi vay, góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận sau thuế.

- Kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp: Tài chính doanh nghiệp được xem như “đòn bẩy” để hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được diễn ra thuận lợi, ổn định hơn thông qua việc cân đối thu chi, thu hút nguồn vốn, đưa ra giá bán hàng hóa,... Dựa vào các hoạt động này, doanh nghiệp dễ dàng kiểm soát các hoạt động đang được thực hiện hiệu quả hay không để có sự điều chỉnh kịp thời.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh: Doanh nghiệp có thể sử dụng nguồn tài chính được phân phối để đầu tư vào công nghệ mới, phát triển sản phẩm mới và tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường

1.1.4 Nghĩa vụ tài chính trong doanh nghiệp

Vì tài chính doanh nghiệp chính là việc quản lý nguồn tài chính của doanh nghiệp nên cũng có các nghĩa vụ sau do hệ thống tài chính doanh nghiệp thực hiện:

- Hoàn thành nghĩa vụ đóng thuế theo quy định của pháp luật, nộp đầy đủ và đúng hạn, tránh các khoản phạt vì vi phạm nghĩa vụ nộp thuế.

- Thanh toán đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình vận hành doanh nghiệp. Đảm bảo việc thanh toán đúng hạn để duy trì uy tín và hoạt động kinh doanh ổn định.

- Áp dụng các biện pháp kiểm soát nội bộ và bảo mật để bảo vệ tài sản, tránh thất thoát, lãng phí tài sản của doanh nghiệp.

- Báo cáo tài chính theo đúng điều lệ của doanh nghiệp. Cung cấp thông tin tài chính chính xác và minh bạch cho các bên liên quan.

- Tối ưu hóa việc sử dụng vốn, đảm bảo mang lại lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp.

- Tài chính doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự thành công của doanh nghiệp, định hướng phần lớn các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với các nhà đầu tư, một doanh nghiệp có bộ phận quản lý tài chính chuyên nghiệp và năng lực thì sẽ xứng đáng để đầu tư vào.

1.2 Quản trị tài chính doanh nghiệp

1.2.1 Khái niệm quản trị tài chính doanh nghiệp

Quản trị tài chính doanh nghiệp là việc lựa chọn và đưa ra các quyết định tài chính, tổ chức thực hiện các quyết định đó nhằm đạt được mục tiêu hoạt động tài chính của doanh nghiệp, đó là tối đa hóa lợi nhuận, không ngừng làm tăng giá trị của doanh nghiệp và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Quản trị tài chính có quan hệ chặt chẽ với quản trị doanh nghiệp và giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong doanh nghiệp. Hầu hết các quyết định quản trị khác đưa vào đều dựa trên các kết quả rút ra từ những đánh giá về mặt tài chính trong quản trị tài chính doanh nghiệp.

1.2.2 Vai trò của quản trị tài chính doanh nghiệp

Quản trị tài chính doanh nghiệp có vai trò to lớn trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trong sản xuất kinh doanh, quản trị tài chính giữ vai trò chủ yếu sau:

- Huy động đảm bảo đầy đủ và kịp thời vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tổ chức sử dụng vốn tiết kiệm và hiệu quả.
- Giám sát kiểm tra chặt chẽ các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.3 Nội dung của quản trị tài chính doanh nghiệp

Quản trị tài chính doanh nghiệp thường bao gồm những nội dung sau:

- Tham gia đánh giá lựa chọn các dự án đầu tư và các kế hoạch kinh doanh.
- Xác định nhu cầu vốn, tổ chức huy động các nguồn vốn để đáp ứng cho hoạt động của doanh nghiệp.

- Tổ chức sử dụng tốt số vốn hiện có, quản lý chặt chẽ các khoản thu, chi đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

- Thực hiện tốt việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp.

- Đảm bảo kiểm tra kiểm soát thường xuyên đối với tình hình hoạt động của doanh nghiệp và thực hiện tốt việc phân tích tài chính.

- Thực hiện tốt việc kế hoạch hóa tài chính.

1.2.4 Những nhân tố ảnh hưởng tới quản trị tài chính doanh nghiệp

Quản trị tài chính ở các doanh nghiệp khác nhau có những sự khác nhau do ảnh hưởng của nhiều nhân tố như: Hình thức pháp lý của doanh nghiệp, đặc điểm kinh tế kỹ thuật của ngành và môi trường kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.4.1 Hình thức pháp lý của doanh nghiệp

Ở nước ta hiện có các loại hình doanh nghiệp sau: công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty tư nhân, công ty có vốn đầu tư nước ngoài,...

Những đặc điểm riêng về hình thức pháp lý tổ chức của các loại hình doanh nghiệp trên có ảnh hưởng lớn đến quản trị tài chính doanh nghiệp như việc tổ chức, huy động vốn, sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận,...

1.2.4.2 Đặc điểm kinh tế kỹ thuật của ngành kinh doanh

Đặc điểm kinh tế kỹ thuật của ngành kinh doanh có ảnh hưởng không nhỏ tới quản trị tài chính doanh nghiệp. Những ảnh hưởng đó có biểu hiện:

- Tính chất ngành kinh doanh.

- Tính chất thời vụ và chu kỳ sản xuất kinh doanh.

1.2.4.3 Môi trường kinh doanh

Môi trường kinh doanh bao gồm tất cả những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp. Môi trường kinh doanh có tác động mạnh mẽ tới các hoạt động của doanh nghiệp trong đó có hoạt động tài chính. Các yếu tố của môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp bao gồm:

- Sự ổn định của nền kinh tế.

- Giá cả thị trường, lãi suất và thuế.
- Sự cạnh tranh trên thị trường và tiến bộ khoa học công nghệ.
- Chính sách kinh tế và tài chính của nhà nước đối với doanh nghiệp.
- Sự hoạt động của thị trường tài chính và hoạt động của các tổ chức trung gian tài chính.

1.3 Phân tích tài chính doanh nghiệp

Phân tích tài chính là một công cụ của quản lý, trên cơ sở sử dụng hệ thống chỉ tiêu phân tích phù hợp thông qua các phương pháp phân tích nhằm đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định. Trên cơ sở đó, giúp cho nhà quản trị doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm đưa ra được quyết định nhằm tăng cường quản lý tài chính và đạt được hiệu quả cao nhất trong kinh doanh.

1.3.1 Vai trò của phân tích tài chính doanh nghiệp

Các đối tượng sử dụng thông tin tài chính khác nhau sẽ đưa ra các quyết định với mục đích khác nhau. Vì vậy phân tích tài chính đối với các đối tượng khác nhau sẽ đáp ứng các vấn đề chuyên môn khác nhau:

- Đối với nhà quản lý: Là người trực tiếp quản lý, nhà quản lý là người hiểu rõ nhất tài chính của doanh nghiệp, do đó họ có nhiều thông tin phục vụ cho việc phân tích. Phân tích tài chính doanh nghiệp đối với nhà quản lý doanh nghiệp nhằm đạt được những mục tiêu sau:

- + Đánh giá hoạt động theo chu kỳ quản lý trong giai đoạn qua việc thực hiện cân bằng tài chính, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán,...

- + Hướng quyết định của ban giám đốc theo chiều hướng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp như: Quyết định đầu tư, quyết định tài trợ, phân phối lợi nhuận,...

- + Phân tích tài chính doanh nghiệp là cơ sở để dự đoán tài chính.

- + Phân tích tài chính là một công cụ để kiểm tra kiểm soát hoạt động quản lý của doanh nghiệp.

- Đối với nhà đầu tư: Để đánh giá doanh nghiệp và ước đoán giá trị cổ phiếu, dựa vào việc nghiên cứu báo cáo tài chính, khả năng sinh lời, phân tích rủi ro trong kinh doanh.

- Đối với người cho vay: Xác định khả năng trả nợ của khách hàng.

- Đối với người lao động: Giúp họ định hướng công việc ổn định của mình, trên cơ sở đó yên tâm dốc sức vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đối với cơ quan nhà nước: Giúp nhà nước nắm được tình hình tài chính của doanh nghiệp từ đó đề ra các chính sách vĩ mô đúng đắn nhằm tạo ra hành lang pháp lý cho doanh nghiệp hoạt động.

- Đối với các công ty kiểm toán: Giúp kiểm tra được tính hợp lý trung thực của các số liệu, phát hiện được những sai sót và gian lận của doanh nghiệp về mặt tài chính.

1.3.2 Mục tiêu của phân tích tài chính doanh nghiệp

Để trở thành một công cụ đắc lực của nhà quản trị và các đối tượng quan tâm đến hoạt động của doanh nghiệp đưa ra được các quyết định đúng đắn trong kinh doanh, phân tích tài chính doanh nghiệp cần đạt được những mục tiêu sau:

- Đánh giá chính xác tình hình tài chính của doanh nghiệp trên các khía cạnh khác nhau như cơ cấu vốn, tài sản, khả năng thanh toán, lưu chuyển tiền tệ, hiệu quả sử dụng tài sản, khả năng sinh lãi, rủi ro tài chính,... nhằm đáp ứng thông tin cho tất cả các đối tượng quan tâm đến hoạt động của doanh nghiệp như các nhà đầu tư, cung cấp tín dụng, quản lý doanh nghiệp, cơ quan thuế, người lao động,...

- Định hướng các quyết định của các đối tượng quan tâm theo chiều hướng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp như quyết định đầu tư, tài trợ, phân chia lợi nhuận,...

- Trở thành cơ sở cho các dự báo tài chính, giúp người phân tích dự báo được tiềm năng tài chính của doanh nghiệp trong tương lai.

- Là công cụ để kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở kiểm tra đánh giá các chỉ tiêu kết quả đạt được so với các chỉ tiêu kế hoạch, dự toán, định mức,... Từ đó xác định những điểm mạnh, điểm yếu trong hoạt động kinh

doanh, giúp doanh nghiệp có được những quyết định và giải pháp đúng đắn, đảm bảo kinh doanh đạt hiệu quả cao. Mục tiêu này đặc biệt quan trọng với các nhà quản trị doanh nghiệp.

1.3.3 Các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp

Để phân tích tài chính doanh nghiệp người ta có thể dùng một hoặc tổng hợp các phương pháp khác nhau trong hệ thống các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp. Phương pháp phân tích tài chính là cách thức, kỹ thuật để đánh giá tình hình tài chính của công ty ở quá khứ hiện tại và dự đoán tài chính trong tương lai. Từ đó giúp các đối tượng đưa ra quyết định kinh tế phù hợp với mục tiêu mong muốn của từng đối tượng.

Dưới đây là các phương pháp thường dùng để phân tích tài chính trong doanh nghiệp.

1.3.3.1 Phương pháp so sánh

Đây là phương pháp được sử dụng rộng rãi phổ biến trong phân tích kinh tế nói chung, phân tích tài chính nói riêng. Các vấn đề cần chú ý khi sử dụng phương pháp này gồm có:

- Điều kiện so sánh: Phải tồn tại ít nhất 2 chỉ tiêu (đại lượng). Các chỉ tiêu phải đảm bảo tính chất so sánh được. Phải thống nhất về mặt nội dung kinh tế, thống nhất về phương pháp tính toán, thống nhất về thời gian và đơn vị đo lường.

- Xác định gốc so sánh: Gốc so sánh tùy thuộc vào mục đích của phân tích, gốc so sánh có thể xác định tại thời điểm cũng có thể xác định tại từng kỳ, cụ thể:

- + Khi xác định xu hướng và tốc độ phát triển của chỉ tiêu phân tích thì gốc so sánh được xác định là trị số của chỉ tiêu phân tích ở một thời điểm trước, một kỳ trước hoặc hàng loạt kỳ trước. Lúc này sẽ so sánh với chỉ tiêu ở thời điểm này với thời điểm trước, kỳ này với kỳ trước, năm này với năm trước.

- + Khi đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu nhiệm vụ đặt ra thì gốc so sánh là trị số kế hoạch của chỉ tiêu phân tích. Khi đó tiến hành so sánh giá trị thực tế và kế hoạch của chỉ tiêu.

+ Khi xác định vị trí của doanh nghiệp thì gốc so sánh là giá trị trung bình của ngành hay chỉ tiêu phân tích của đối thủ cạnh tranh.

- Kỹ thuật so sánh: Có 2 hình thức so sánh như sau:

+ So sánh theo chiều dọc: Là kỹ thuật phân tích sử dụng để xem xét tỷ trọng của từng bộ phận trong quy mô tổng thể chung.

+ So sánh theo chiều ngang: Là quá trình so sánh xác định tỷ lệ, và chiều hướng tăng giảm của các dữ kiện trên báo cáo tài chính ở nhiều kỳ khác nhau.

1.3.3.2 Phương pháp tỷ lệ

Phương pháp phân tích tỷ lệ dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ và đại lượng tài chính trong các mối quan hệ tài chính. Phương pháp phân tích này giúp cho việc khai thác, sử dụng các số liệu được hiệu quả hơn thông qua việc phân tích một cách có hệ thống hàng loạt các tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tiếp hoặc gián đoạn.

Trong phân tích tài chính doanh nghiệp, các tỷ lệ tài chính được phân tích thành các nhóm chỉ tiêu đặc trưng phản ánh các nội dung cơ bản theo mục tiêu phân tích của doanh nghiệp, bao gồm:

- Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán.
- Nhóm chỉ số về cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư.
- Nhóm chỉ số về hoạt động.
- Nhóm chỉ số về khả năng sinh lời

1.3.3.3 Phương pháp Dupont

Dùng để phân tích tổng hợp tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các chỉ số ROA (tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn), ROE (tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ). Theo phương pháp này các nhà phân tích sẽ nhận biết được các nguyên nhân dẫn tới hiện tượng tốt, xấu trong hoạt động của doanh nghiệp. Bản chất của phương pháp này là tách một tỷ số tổng hợp phản ánh sức sinh lợi của doanh nghiệp như thu nhập trên tài sản (ROA), thu nhập sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) thành tích số của chuỗi các tỷ số có quan hệ nhân quả với nhau. Từ đó phân tích ảnh hưởng của các tỷ số đó với tỷ số tổng hợp.

1.4 Nội dung của phân tích tài chính doanh nghiệp

1.4.1 Tài liệu cần sử dụng để phân tích tài chính doanh nghiệp

Khi tiến hành phân tích hoạt động tài chính, nhà phân tích cần thu thập và phân tích rất nhiều nguồn thông tin từ trong và ngoài doanh nghiệp. Tuy nhiên để đánh một cách cơ bản tình hình tài chính của doanh nghiệp thì có thể sử dụng thông tin kế toán trong nội bộ doanh nghiệp. Thông tin kế toán được phản ánh đầy đủ trong báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được chia thành 2 loại, đó là: Báo cáo tài chính bắt buộc và báo cáo tài chính không bắt buộc.

- Báo cáo tài chính bắt buộc là báo cáo mà mọi doanh nghiệp đều phải lập và gửi đi theo quy định, không phân biệt hình thức sở hữu quy mô. Báo cáo tài chính bắt buộc gồm có:

- + Bảng cân đối kế toán.
- + Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Báo cáo tài chính không bắt buộc là báo cáo không nhất thiết phải lập mà các doanh nghiệp tùy vào điều kiện đặc điểm riêng của mình có thể lập hoặc không lập ví dụ như báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

1.4.2 Phân tích tài chính doanh nghiệp

1.4.2.1 Phân tích TCDN thông qua bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định (cuối ngày, cuối quý hoặc cuối năm). Đây là báo cáo có ý nghĩa quan trọng với mọi đối tượng có quan hệ sở hữu, quan hệ kinh doanh và quan hệ quản lý với doanh nghiệp. Bảng cân đối kế toán cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp theo cơ cấu tài sản, nguồn vốn và cơ cấu vốn hình thành các tài sản đó.

Kết cấu của bảng cân đối kế toán gồm 2 phần theo nguyên tắc cân đối:
 $\text{Tổng tài sản} = \text{Tổng nguồn vốn}.$

- Phần tài sản bao gồm các chỉ tiêu phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp tại một thời điểm. Giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp bao gồm toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp và các tài sản đi thuê được sử dụng lâu dài, trị giá các khoản nhận ký quỹ, ký cược,... Căn cứ vào tính chu chuyển của tài sản, tài sản được chia thành 2 phần: Tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn.

+ Tài sản ngắn hạn phản ánh toàn bộ giá trị thuần tài sản của tất cả các tài sản ngắn hạn hiện có của doanh nghiệp. Đây là các tài sản có thời gian luân chuyển ngắn, thường là dưới hoặc bằng 1 năm hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh.

+ Tài sản dài hạn phản ánh toàn bộ giá trị thuần của tài sản trên một năm hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo. Số liệu các chỉ tiêu trong phần tài sản thể hiện giá trị các loại tài sản của doanh nghiệp hiện có đến thời điểm lập báo cáo. Căn cứ vào số liệu này có thể đánh giá được quy mô, kết cấu vốn đầu tư, năng lực và trình độ sử dụng vốn của doanh nghiệp, từ đó giúp doanh nghiệp xây dựng được một kết cấu vốn hợp lý với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, đặc biệt là trong điều kiện tổng số vốn kinh doanh không thay đổi.

- Phần nguồn vốn gồm các chỉ tiêu phản ánh nguồn hình thành các tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo. Nguồn vốn được chia thành 2 phần: Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

+ Nợ phải trả phản ánh toàn bộ số nợ phải trả tại thời điểm lập báo cáo. Chỉ tiêu này thể hiện trách nhiệm của ban lãnh đạo đối với chủ nợ (ngân sách, ngân hàng, người bán,...) về các khoản phải nộp phải trả hay các khoản doanh nghiệp chiếm dụng khác.

+ Vốn chủ sở hữu là số vốn của các chủ sở hữu, các nhà đầu tư góp vốn ban đầu và bổ sung thêm trong quá trình sản xuất kinh doanh. Số vốn chủ sở hữu doanh nghiệp không phải cam kết thanh toán, vì vậy vốn chủ sở hữu không phải là một khoản nợ. Số liệu các chỉ tiêu trong phần nguồn vốn thể hiện giá trị, quy mô các nguồn vốn mà doanh nghiệp đã và đang huy động sử dụng để đảm bảo cho lượng tài sản của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh tính đến thời điểm lập báo cáo. Thông qua các chỉ tiêu này có thể đánh

giá được thực trạng tài chính của doanh nghiệp, kết cấu từng nguồn vốn được sử dụng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung phân tích bảng cân đối kế toán như sau:

Phân tích cơ cấu tài sản

Khi phân tích cơ cấu tài sản cần chú ý một số vấn đề sau:

- Xác định tổng số tài sản đầu năm và cuối năm, so sánh số cuối năm và số đầu năm cả tương đối và tuyệt đối.
- Tính toán tỷ trọng từng loại tài sản so với tổng tài sản ở cuối năm và đầu năm.
- Khi đánh giá, nhận xét cần chú ý đến đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình thực tế trên thị trường và giai đoạn phát triển của nền kinh tế.

Bảng 1.1: Bảng phân tích cơ cấu tài sản

Chỉ tiêu	Đầu năm	Cuối năm	Cuối năm so với đầu năm		Theo quy mô chung	
			Số tiền	%	Đầu năm	Cuối năm
A. Tài sản ngắn hạn						
I. Tiền và các khoản tương đương tiền						
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn						
III. Các khoản phải thu ngắn hạn						
IV. Hàng tồn kho						
V. Tài sản ngắn hạn khác						
B. Tài sản dài hạn						
I. Các khoản phải thu dài hạn						
II. Tài sản cố định						
III. Bất động sản đầu tư						
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn						
V. Tài sản dài hạn khác						
TỔNG TÀI SẢN						

Phân tích cơ cấu nguồn vốn

Khi phân tích cơ cấu nguồn vốn cần chú ý một số vấn đề sau:

- Tính toán tỷ trọng từng nguồn vốn tại thời điểm đầu năm và cuối năm, so sánh tỷ trọng này giữa số đầu năm và số cuối năm.

- Khi đánh giá nhận, xét cần chú ý đến loại hình kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình thực tế trên thị trường và giai đoạn phát triển của nền kinh tế.

Bảng 1.2: Bảng phân tích cơ cấu nguồn vốn

Chỉ tiêu	Đầu năm	Cuối năm	Cuối năm so với đầu năm		Theo quy mô chung	
			Số tiền	%	Đầu năm	Cuối năm
A. Nợ phải trả						
I. Nợ ngắn hạn						
II. Nợ dài hạn						
B. Vốn chủ sở hữu						
I. Vốn chủ sở hữu						
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác						
TỔNG NGUỒN VỐN						

Phân tích cân đối cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Phân tích cân đối cơ cấu tài sản và nguồn vốn có ý nghĩa rất quan trọng với người quản lý doanh nghiệp và các chủ thể khác quan tâm đến doanh nghiệp. Việc phân tích, cân đối giữa tài sản và nguồn vốn cho biết sự ổn định và an toàn trong tài trợ và sử dụng vốn của doanh nghiệp. Theo nguyên tắc cân đối giữa tài sản và nguồn vốn thì tài sản lưu động nên được tài trợ bằng vốn ngắn hạn, tài sản cố định nên được tài trợ bằng vốn dài hạn để hạn chế chi phí sử dụng vốn phát sinh thêm hoặc rủi ro có thể gặp trong kinh doanh.

1.4.2.2 Phân tích TCDN thông qua bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh khái quát tình hình và kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, chi tiết theo hoạt động kinh doanh chính và các hoạt động khác, tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước về thuế và các khoản phải nộp khác.

Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Quá trình đánh giá khái quát tình hình tài chính qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có thể thông qua việc phân tích 2 nội dung sau:

- Phân tích kết quả các hoạt động: Lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp cần được phân tích đánh giá khái quát giữa doanh thu, chi phí và kết

quả của từng loại hoạt động. Từ đó có nhận xét về tình hình doanh thu của từng loại hoạt động trong tổng thể các hoạt động của toàn doanh nghiệp.

- Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động do chức năng kinh doanh đem lại trong từng thời kỳ hạch toán của doanh nghiệp, là cơ sở chủ yếu để đánh giá, phân tích hiệu quả các mặt, các lĩnh vực hoạt động, phân tích nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân cơ bản đến kết quả chung của doanh nghiệp. Bảng phân tích kết quả kinh doanh đúng và chính xác sẽ là số liệu quan trọng để tính toán và kiểm tra số thuế doanh thu, thuế lợi tức mà doanh nghiệp phải nộp và sự kiểm tra đánh giá của cơ quan quản lý về chất lượng hoạt động của doanh nghiệp.

Bảng 1.3: Bảng phân tích kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đầu năm	Cuối năm	Cuối năm so với đầu năm		Theo quy mô chung	
			Số tiền	%	Đầu năm	Cuối năm
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV						
Các khoản giảm trừ doanh thu						
DTT về bán hàng và cung cấp DV						
Giá vốn hàng bán						
LN gộp về bán hàng và cung cấp DV						
Doanh thu hoạt động tài chính						
Chi phí tài chính						
Chi phí bán hàng						
Chi phí quản lý doanh nghiệp						
LNT từ hoạt động kinh doanh						
Thu nhập khác						
Chi phí khác						
Lợi nhuận khác						
Lợi nhuận trước thuế						
Thuế TNDN						
Lợi nhuận sau thuế						

1.4.3 Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng của doanh nghiệp

Các số liệu báo cáo tài chính chưa lột tả hết được thực trạng tài chính của doanh nghiệp, do vậy các nhà tài chính còn phải dùng các hệ số tài chính để

giải thích thêm các mối quan hệ tài chính. Các doanh nghiệp khác nhau thậm chí một doanh nghiệp ở các thời điểm khác nhau cũng có các hệ số tài chính không giống nhau, do đó người ta coi các hệ số tài chính là những biểu hiện đặc trưng nhất về tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

1.4.3.1 Nhóm chỉ số về khả năng thanh toán

Đây là nhóm chỉ tiêu được rất nhiều người quan tâm như các nhà đầu tư, người cho vay, nhà cung cấp,... Họ luôn đặt ra câu hỏi doanh nghiệp có đủ khả năng để trả các khoản nợ tới hạn không?

- Hệ số khả năng thanh toán tổng quát

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ phải trả}}$$

Hệ số khả năng thanh toán tổng quát là chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán chung của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này cho biết với tổng tài sản hiện có doanh nghiệp có bảo đảm trang trải được các khoản nợ phải trả hay không?

Trong trường hợp xấu nhất, nếu chỉ số này = 1, các chủ nợ vẫn đảm bảo thu hồi được nợ vì số tài sản đang tồn tại của doanh nghiệp có thể bảo đảm được khả năng thanh toán nói chung. Chỉ số của chỉ tiêu này càng > 1, khả năng thanh toán của doanh nghiệp càng cao, ngược lại chỉ số này < 1 doanh nghiệp không có khả năng thanh toán được các khoản nợ. Trên thực tế, mặc dù tài sản có thể đủ hoặc thừa để trang trải các khoản nợ nhưng khi nợ đến hạn, nếu không đủ tiền và các khoản tương đương tiền các doanh nghiệp cũng không bao giờ đem bán các tài sản để trả nợ. Do đó thông thường trị số của hệ số này ≥ 2 , các chủ nợ mới có khả năng thu hồi được các khoản nợ khi đến hạn.

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời

Hệ số khả năng thanh toán hiện thời là mối quan hệ giữa khả năng thanh toán ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số này thể hiện mức độ đảm bảo của tài sản ngắn hạn với nợ ngắn hạn.

$$\text{Khả năng thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Nếu hệ số này ≥ 1 , chứng tỏ doanh nghiệp có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, tình hình tài chính của doanh nghiệp bình thường hoặc khả quan.

Nếu hệ số này < 1 , doanh nghiệp không đảm bảo đáp ứng được các khoản nợ ngắn hạn.

Tuy nhiên không phải hệ số này càng cao thì càng tốt, vì khi đó có một lượng TSCĐ tồn trữ lớn, phản ánh việc sử dụng tài sản không hiệu quả, bộ phận này không vận động không sinh lời. Tính hợp lý của hệ số này phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh

Tài sản lưu động trước khi thanh toán cho chủ nợ đều phải chuyển đổi thành tiền, trong đó TSLĐ hiện có là hàng hóa và vật tư thì chưa thể chuyển đổi ngay được, do đó nó có khả năng thanh toán kém nhất. Vì vậy hệ số khả năng thanh toán nhanh là thước đo về khả năng trả nợ ngay, không dựa vào việc phải bán các loại vật tư hàng hóa, được xác định theo công thức:

$$\text{Khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Nếu hệ số này ≥ 1 thì doanh nghiệp đảm bảo khả năng thanh toán nhanh.

Nếu hệ số này < 1 doanh nghiệp không đảm bảo khả năng thanh toán nhanh.

Khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp chỉ cho biết mức độ thanh toán nhanh hơn mức bình thường chưa đủ để khẳng định doanh nghiệp có khả năng thanh toán các khoản nợ đáo hạn không. Vì thế các nhà phân tích tiếp tục xem xét chỉ tiêu hệ số thanh toán tức thời. Hệ số này cho biết với lượng tiền và tương đương tiền hiện có doanh nghiệp có đủ khả năng trang trải các khoản nợ ngắn hạn, đặc biệt là nợ ngắn hạn đến hạn không?

$$\text{Khả năng thanh toán tức thời} = \frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

- Hệ số thanh toán lãi vay

Lãi vay phải trả là một khoản chi phí cố định, nguồn để trả lãi vay là lợi nhuận gộp của 3 loại hoạt động (hoạt động kinh doanh thông thường, hoạt động tài chính và bất thường) sau khi đã trừ đi các khoản chi phí kinh doanh và chi

phí bán hàng. So sánh giữa nguồn để trả lãi và lãi vay sẽ cho chúng ta biết doanh nghiệp sẵn sàng trả tiền lãi vay tới mức nào.

Hệ số này đo lường mức độ lợi nhuận có được do sử dụng vốn để đảm bảo trả lãi cho chủ nợ. Nói cách khác hệ số này cho biết doanh nghiệp đã sử dụng vốn vay tới mức nào và đem lại lợi nhuận là bao nhiêu, có bù đắp được lãi vay hay không?

$$\text{Khả năng thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước lãi vay và thuế}}{\text{Lãi vay}}$$

1.4.3.2 Nhóm chỉ số về cơ cấu nguồn vốn và tình hình đầu tư

- **Hệ số nợ**

Hệ số nợ cho biết trong một đồng vốn kinh doanh có mấy đồng hình thành từ vay nợ bên ngoài.

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$$

Hệ số cho thấy mức độ độc lập hay phụ thuộc của doanh nghiệp đối với nguồn vốn kinh doanh của mình. Hệ số nợ cao chứng tỏ doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào vốn vay bên ngoài nhưng cũng có mặt tích cực là doanh nghiệp được sử dụng một lượng vốn lớn mà chỉ cần đầu tư một lượng vốn nhỏ, các nhà tài chính sử dụng nó như một chính sách để gia tăng lợi nhuận.

- **Tỷ suất tự tài trợ TSCĐ**

Tỷ suất này cho biết số vốn chủ doanh nghiệp bỏ ra để trang bị cho TSCĐ và đầu tư dài hạn là bao nhiêu.

$$\text{Hệ số vốn chủ} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{TSCĐ và đầu tư dài hạn}}$$

Tỷ suất này >1, chứng tỏ tài chính của doanh nghiệp vững mạnh. Khi tỷ suất này <1 thì một bộ phận của TSCĐ được tài trợ bằng vốn vay, và đặc biệt mạo hiểm hơn khi đó là vốn ngắn hạn.

- **Tỷ suất đầu tư**

Tỷ suất này cho biết doanh nghiệp sử dụng bình quân một đồng vốn thì dành ra bao nhiêu để hình thành tài sản lưu động, bao nhiêu để đầu tư vào tài sản cố định.

$$\text{Tỷ suất đầu tư vào TSDH} = \frac{\text{TSCĐ và đầu tư dài hạn}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100$$

Tỷ suất đầu tư vào TSDH càng lớn càng thể hiện mức độ quan trọng của TSCĐ trong tổng tài sản mà doanh nghiệp đang sử dụng vào kinh doanh, phản ánh tình hình trang bị cơ sở vật chất, và xu hướng phát triển lâu dài cũng như khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tỷ suất tự tài trợ TSDH

Tỷ suất này cho biết trong số tài sản dài hạn của doanh nghiệp, bao nhiêu phần được trang bị bằng vốn chủ sở hữu.

$$\text{Tỷ suất tự tài trợ TSDH} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tài sản dài hạn}} \times 100$$

Nếu tỷ suất này >1, chứng tỏ doanh nghiệp tự sử dụng vốn CSH để trang bị TSDH cho doanh nghiệp của mình.

Nếu tỷ suất này <1, cho biết doanh nghiệp đang sử dụng vốn vay để trang bị cho một phần TSDH, điều này đặc biệt mạo hiểm nếu đó là vốn vay ngắn hạn.

1.4.3.3 Nhóm chỉ số hoạt động

Nhóm chỉ số này dùng để đo lường hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của một doanh nghiệp bằng cách so sánh doanh thu với việc bỏ vốn vào kinh doanh dưới các tài sản khác nhau.

- Số vòng quay hàng tồn kho

Số vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ. Số vòng quay càng cao thì việc kinh doanh được đánh giá càng tốt.

$$\text{Vòng quay HTK} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

- Số ngày một vòng quay hàng tồn kho

Phản ánh số ngày trung bình của một vòng quay hàng tồn kho.

$$\text{Số ngày một vòng quay HTK} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ}}{\text{Số vòng quay HTK}}$$

(Quy ước: 1 năm = 360 ngày, 1 quý = 90 ngày)

- Vòng quay các khoản phải thu

Vòng quay các KPT phản ánh tốc độ chuyển đổi các KPT thành tiền mặt của doanh nghiệp:

$$\text{Vòng quay các KPT} = \frac{\text{Doanh thu tiêu thụ sản phẩm}}{\text{KPT bình quân}}$$

Vòng quay càng lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi các KPT càng nhanh, doanh nghiệp ít bị chiếm dụng vốn và có vốn để thực hiện các hoạt động tài chính khác.

- Kỳ thu tiền bình quân

Phản ánh số ngày cần thiết để thu được các KPT (số ngày của một vòng quay các KPT). Vòng quay các KPT càng lớn thì kỳ thu tiền bình quân càng nhỏ.

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{360}{\text{Vòng quay các KPT}}$$

Tuy nhiên kỳ thu tiền bình quân cao hay thấp chưa thể kết luận chắc chắn mà còn phải xem xét mục tiêu và chính sách của doanh nghiệp như: Mở rộng thị trường, chính sách tín dụng của doanh nghiệp.

- Vòng quay vốn lưu động

Vòng quay vốn lưu động phản ánh trong kỳ vốn lưu động quay được mấy vòng.

$$\text{Vòng quay vốn lưu động bình quân} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

- Số ngày một vòng quay vốn lưu động

Phản ánh trung bình một vòng quay vốn lưu động hết bao nhiêu ngày.

$$\text{Số ngày một vòng quay vốn lưu động} = \frac{360}{\text{Số vòng quay vốn lưu động}}$$

- Vòng quay toàn bộ vốn

Chỉ tiêu này phản ánh vốn của doanh nghiệp trong kỳ quay được bao nhiêu vòng. Qua chỉ tiêu này ta có thể đánh giá được khả năng sử dụng vốn của doanh nghiệp, doanh thu thuần sinh ra từ vốn mà doanh nghiệp bỏ ra.

$$\text{Vòng quay toàn bộ vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn sản xuất bình quân}}$$

1.4.3.4 Nhóm chỉ tiêu sinh lời

Các chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu sinh lời luôn được các nhà quản trị quan tâm. Chúng là cơ sở quan trọng để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định và là một luận cứ quan trọng giúp các nhà quản trị đưa ra được các quyết định tài chính trong tương lai.

- **Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu**

Chỉ tiêu này phản ánh trong một đồng doanh thu mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ có mấy đồng lợi nhuận.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100$$

- **Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)**

Chỉ tiêu này cho biết một đồng tài sản mà doanh nghiệp đã huy động vào sản xuất kinh doanh tạo ra mấy đồng lợi nhuận trước hoặc sau thuế.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản} = \frac{\text{LN trước thuế (sau thuế)}}{\text{Tài sản bình quân}} \times 100$$

Mặt khác để loại bỏ ảnh hưởng của yếu tố cơ cấu nguồn vốn, người phân tích có thể sử dụng chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT) trên tổng tài sản.

- **Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)**

Mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp là tạo ra lợi nhuận ròng cho chủ doanh nghiệp đó. Doanh lợi vốn chủ là chỉ tiêu đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu này.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}} \times 100$$

Hoặc để loại bỏ ảnh hưởng của thuế thu nhập người phân tích có thể sử dụng chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn CSH.

1.4.4 Phân tích phương trình Dupont

Đây là phương pháp phân tích trên cơ sở mối quan hệ tương hỗ giữa các tỷ số tài chính nhằm xác định các yếu tố tác động đến các tỷ số tài chính của doanh nghiệp. Nói cách khác, bản chất của phương pháp này là thể hiện một tỷ số tổng hợp bằng tích số của chuỗi các tỷ số có mối quan hệ tương hỗ với nhau với mục đích phân tích ảnh hưởng của các tỷ số đó đối với tỷ số tổng hợp.

Trước hết doanh nghiệp cần xem xét mối quan hệ tương tác giữa tỷ số lợi nhuận thuần trên doanh thu và tỷ suất hiệu quả sử dụng tài sản có bằng tỷ suất lợi nhuận thuần trên toàn bộ tài sản hay không?

$$ROA = \frac{LNST}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{LNST}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Công thức trên cho thấy lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản ROA phụ thuộc vào 2 yếu tố là tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và vòng quay tổng tài sản. Doanh nghiệp cũng cần tính tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)

$$ROE = ROA \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn CSH}}$$

Mô hình dupont có thể tiếp tục triển khai thành:

$$ROE = \frac{LNST}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn CSH}}$$

Dựa vào cơ sở trên doanh nghiệp có thể áp dụng một số biện pháp làm tăng ROE như sau:

- Tác động tới cơ cấu tài chính bằng việc điều chỉnh cơ cấu nợ vay và vốn CSH cho phù hợp với năng lực hoạt động.
- Tăng hiệu suất sử dụng tài sản, tăng vòng quay của tài sản thông qua việc tăng quy mô của doanh thu thuần, vừa sử dụng tiết kiệm và hợp lý về cơ cấu tổng tài sản.
- Tăng doanh thu, giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, từ đó tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT BẢO AN

2.1 Giới thiệu tổng quan về Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An được thành lập 31/7/2006, hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực tự động hóa như sau:

- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt robot, máy móc, dây chuyền sản xuất.
- Dịch vụ kỹ thuật, tích hợp hệ thống.
- Sản xuất phần mềm 4.0, ANDON, MES, ERP.
- Phân phối thiết bị công nghiệp.
- Đào tạo nâng cao và cho thuê kỹ sư.

Trong quá trình hoạt động, công ty luôn đổi mới trong cách thức làm việc và vận hành doanh nghiệp, nhằm đáp ứng những yêu cầu khắt khe về chất lượng, tuổi thọ, an toàn khi sử dụng dịch vụ.

Bảo An là một tập thể được tạo ra từ sự gắn kết của hơn 200 nhân sự. Ngoài ra, với hệ thống kho hàng trữ lượng lớn, đa dạng, Bảo An tự tin đáp ứng thời gian cấp hàng nhanh, dịch vụ bảo hành tối đa cùng đội ngũ nhân sự tận tâm, chuyên nghiệp, sẵn sàng phục vụ. Công ty Bảo An tự hào là một trong 13 doanh nghiệp tại Việt Nam nhận được hợp đồng tài trợ từ Tổ chức đổi mới sáng tạo Chính phủ Việt Nam - Phần Lan (IPP) cho những phát minh và nỗ lực đổi mới trong nền tự động hóa đất nước. Bảo An là nơi hội tụ năng lực, kinh nghiệm, uy tín của nhiều thành viên cùng chung niềm đam mê kỹ thuật và gắn bó với nhau trong ngành tự động hóa.

Thông tin cơ bản:

- Tên đăng ký kinh doanh: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An.
- Tên quốc tế: Bao An Technique Service Joint Stock Company.
- Mã số thuế: 0200682529
- Địa chỉ ĐKKD: Số 3A Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.
- Công ty Bảo An có 3 văn phòng và tổng kho khu vực:

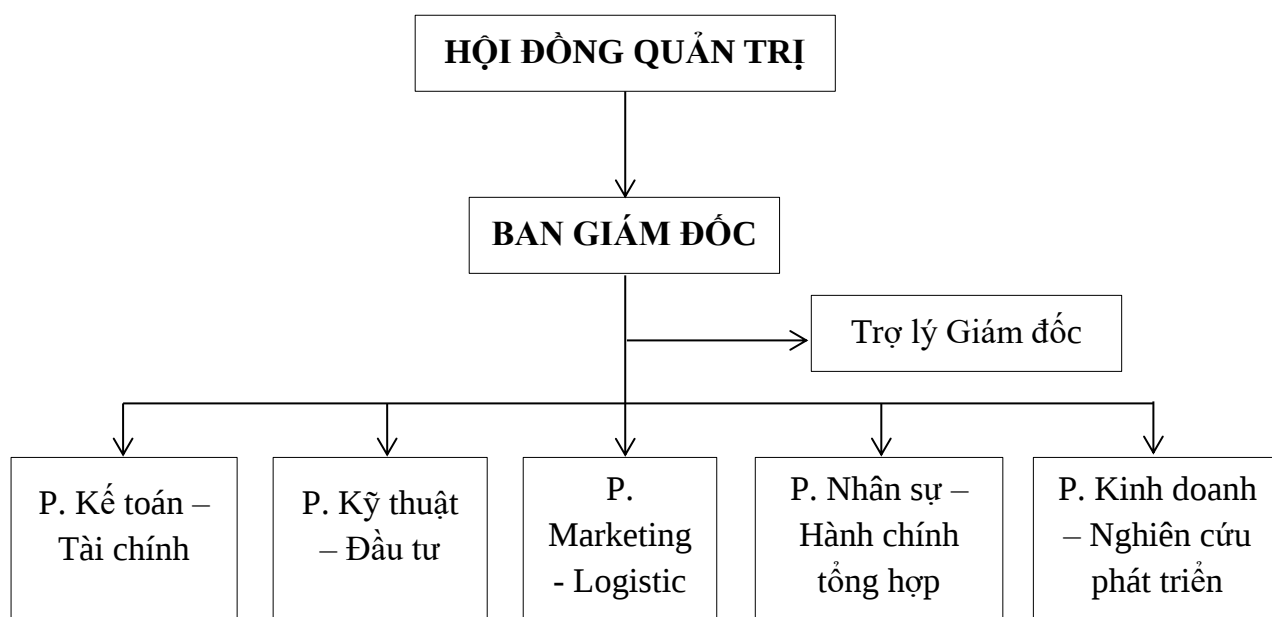
+ Khu vực Hải phòng đồng thời là nhà máy sản xuất: đường Bến Thóc, phường An Đồng, quận An Dương.

+ Khu vực Hà Nội: Số 3/38 Chu Huy Mân, phường Phúc Đồng, quận Long Biên.

+ Khu vực Hồ Chí Minh: Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh.

2.1.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức

Tổ chức bộ máy của công ty khá đơn giản, tương đối phù hợp, quan hệ chỉ đạo rõ ràng, quan hệ nghiệp vụ khăng khít.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý, có toàn quyền quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty như:

+ Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh.

+ Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán.

+ Quyết định huy động thêm vốn.

+ Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.

+ Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

+ Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.

+ Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn.

- Ban Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao:

+ Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

+ Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư.

+ Quyết định tiền lương và lợi ích đối với người lao động.

+ Tuyển dụng lao động.

- Các phòng chức năng thực hiện và làm việc đúng quyền và nghĩa vụ của mình đối với công ty.

2.1.2 Ngành nghề kinh doanh chính

Công ty Bảo An là đơn vị chuyên phân phối các sản phẩm tự động hóa cơ, điện cho các đối tác thuộc lĩnh vực điện – điện tử, ô tô xe máy, thực phẩm, dược phẩm, nhựa – bao bì, dệt may – da giày, hóa chất, vật liệu,... Với mục tiêu phát triển tiên phong và bền vững, Bảo An được xây dựng với tầm nhìn và sứ mệnh: Luôn làm chủ, đi đầu về sản phẩm, công nghệ xây dựng chuỗi cung ứng bao phủ rộng khắp toàn quốc với nguồn hàng chuẩn, đa dạng đa kênh vận chuyển – hỗ trợ linh hoạt công nghệ hàng đầu – thời gian thực tư vấn - đào tạo chuyên sâu.

Bảo An – Nhà phân phối của các hãng: Omron, Autonics, Schneider, Chint, LS, IDEC, Hanyoung, Mitsubishi, Qlight, Bando, VIC, SMC, Fujiya, Hioki, Sehan, DONG IL, Cognex,... Sản phẩm cung cấp đa dạng bao gồm: Biến tần, các loại cảm biến, PLC, bộ nguồn, aptomat, vỏ tủ điện, vật tư kim khí,...

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Bảo hộ lao động.

- Thang máng cáp, thang cáp, máng cáp.

- Tủ bảng điện.

- Tự động hóa, hệ thống và thiết bị tự động hóa.

- Thiết bị điện – Nhập khẩu và phân phối thiết bị điện.
- Công nghiệp – Vật tư và thiết bị công nghiệp.

2.2 Phân tích tình hình tài chính tại Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An

Phân tích tài chính là một công cụ của quản lý, trên cơ sở sử dụng hệ thống chỉ tiêu phân tích phù hợp thông qua các phương pháp phân tích nhằm đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian hoạt động nhất định.

2.2.1 Phân tích bảng cân đối kế toán

2.2.1.1 Phân tích cơ cấu tài sản

Phân tích cơ cấu tài sản sẽ giúp doanh nghiệp nắm được tình hình đầu tư, sử dụng số vốn đã huy động, biết được sử dụng vốn huy động có phù hợp với lĩnh vực kinh doanh, và có phục vụ tích cực cho mục đích kinh doanh của doanh nghiệp hay không?

Phân tích cơ cấu tài sản của doanh nghiệp được thực hiện bằng cách tính ra và so sánh tình hình biến động giữa kỳ phân tích với kỳ gốc về tỷ trọng của từng bộ phận tài sản chiếm trong tổng số tài sản.

Bảng 2.1: Bảng phân tích cơ cấu tài sản Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024 theo chiều dọc

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
A. Tài sản ngắn hạn	9.145.258.250	97,02	12.246.258.479	98,53
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.459.245.368	15,48	2.463.379.552	19,82
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn				
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	4.326.257.654	45,89	5.256.632.368	42,29
IV. Hàng tồn kho	2.969.685.324	31,51	4.024.126.235	32,38
V. Tài sản ngắn hạn khác	390.069.904	4,14	502.120.324	4,04
B. Tài sản dài hạn	281.256.258	2,98	182.246.357	1,47
I. Các khoản phải thu dài hạn				
II. Tài sản cố định	281.256.258	2,98	182.246.357	1,47
III. Bất động sản đầu tư				
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				

V. Tài sản dài hạn khác				
TỔNG TÀI SẢN	9.426.514.508	100,00	12.428.504.836	100,00

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An)

Qua bảng số liệu này, ta có thể thấy trong khoản mục tài sản của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An, tỷ trọng tài sản ngắn hạn luôn lớn hơn tài sản dài hạn, điều này hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

- Nhận xét về cơ cấu tài sản ngắn hạn

Tuy rằng mặt giá trị của tài sản có sự thay đổi lớn nhưng về mặt tỷ trọng không có sự biến động nhiều. Năm 2023, giá trị tài sản ngắn hạn là 9.145.258.250 đồng chiếm 97,02% tổng tài sản. Đến năm 2024, tài sản ngắn hạn là 12.246.258.479 đồng, ứng với tỷ trọng 98,53% tổng tài sản. Có sự thay đổi trên là do tác động của các khoản mục sau:

+ Thứ nhất, trong tài sản ngắn hạn, cơ cấu các khoản phải thu luôn chiếm tỷ trọng cao hơn. Năm 2023, các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 45,89% tương đương với 4.326.257.654 đồng. Năm 2024, các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 42,29%, tương đương với 5.256.632.368 đồng. Như vậy ta có thể thấy, tỷ trọng của khoản phải thu đã giảm xuống 3,6% nhưng thực tế giá trị của các khoản phải thu vẫn tăng lên. Có sự mâu thuẫn này là do giá trị của tổng tài sản tăng cao hơn rất nhiều so với giá trị của các khoản phải thu, khiến tỷ trọng của các khoản phải thu giảm. Điều này chứng tỏ doanh nghiệp thu hồi vốn chậm dẫn đến bị chiếm dụng vốn đây là tình hình chung của các công ty kinh doanh hiện nay. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ ảnh hưởng đến khả năng quay vòng vốn của doanh nghiệp. Vì vậy, công ty Bảo An cần có những biện pháp giám sát chặt chẽ tài chính của khách hàng mình, đưa ra các biện pháp để giảm khoản phải thu, chắc chắn rằng có thể thu hồi được vốn khi cần thiết.

+ Thứ hai, khoản mục hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong tài sản ngắn hạn. Về mặt tỷ trọng không có thay đổi nhiều nhưng về mặt giá trị của hàng tồn kho tăng khá nhiều. Năm 2023, giá trị của hàng tồn kho là 2.969.685.324 đồng tương ứng với 31,51%, năm 2024 giá trị hàng tồn kho tăng lên là 4.024.126.235 đồng tương ứng 32,38%. Với đặc thù kinh doanh của công ty, thì hàng tồn kho lớn và tăng không phải là vấn đề đáng lo ngại. Nhìn chung những sản phẩm của công ty không phải hàng hóa có hạn sử dụng và khó bảo quản, nên việc lưu kho chỉ tác động nhỏ cho việc quản lý kho chứ không gây

ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa. Hơn nữa, những năm gần đây do khó khăn chung của nền kinh tế, nên hàng tồn kho của doanh nghiệp ở mức cao cũng là điều dễ hiểu.

+ Thứ ba, tiền và các khoản tương đương tiền chiếm tỷ trọng lớn thứ ba trong giá trị tài sản ngắn hạn. Năm 2023, tỷ trọng khoản này chiếm 15,48% tương đương 1.459.245.368 đồng, đến năm 2024 tăng lên 19,82% tương đương 2.463.379.552 đồng. Mức tăng cao về mặt giá trị cũng như tỷ trọng chứng tỏ khả năng thanh khoản tức thời của doanh nghiệp khá tốt. Tuy nhiên tiền mặt và các khoản tương đương tiền lại chịu tác động của lạm phát, nên doanh nghiệp không nên để tồn quỹ quá nhiều tiền mặt. Chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong tài sản ngắn hạn là khoản mục tài sản ngắn hạn khác. Khoản mục này dường như không có sự thay đổi đáng kể về mặt tỷ trọng, giá trị năm 2024 tăng lên 0112.050.420 đồng so với năm 2023.

- Nhận xét về cơ cấu tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn của công ty Bảo An chỉ bao gồm tài sản cố định và không có thêm bất kỳ khoản đầu tư nào khác. Năm 2023, tỷ trọng tài sản dài hạn chỉ chiếm 2,98% trong tổng tài sản tương đương với 281.256.258 đồng và chiếm 1,47% tổng tài sản năm 2024 tương đương với 182.246.357 đồng. Những năm trở lại đây do khủng hoảng khiến kinh tế khó khăn, công ty đã quyết định không đầu tư thêm vào tài sản dài hạn nên giá trị tài sản dài hạn của doanh nghiệp giảm xuống do trích khấu hao TSCĐ. Điều này có thể lý giải bởi mô hình kinh doanh của công ty Bảo An, bản chất là công ty dịch vụ, hoạt động dưới hình thức thương mại nên giá trị tài sản chỉ tập trung vào hàng hóa dịch vụ và các khoản phải thu ngắn hạn. Như vậy trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp, cơ cấu tài sản ngắn hạn tăng, cơ cấu tài sản dài hạn giảm. Doanh nghiệp không có các khoản đầu tư tài chính dài hạn cũng như các tài sản dài hạn khác nên toàn bộ tài sản dài hạn đều là tài sản cố định. Điều này phù hợp với chiến lược của các doanh nghiệp với nền kinh tế đang khủng hoảng suy thoái.

Trên đây là phân tích cơ cấu tài sản trong bảng cân đối kế toán theo chiều dọc để thấy rõ sự thay đổi về tỷ trọng giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn trong tổng tài sản. Để nắm rõ hơn về sự biến động tài sản như thế nào, ta cần phân tích theo chiều ngang để đánh giá cụ thể hơn tình hình tài chính của công ty.

**Bảng 2.2: Bảng phân tích sự biến động tài sản Công ty Cổ phần Dịch vụ
Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024 theo chiều ngang**

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Giá trị		Chênh lệch	
	Năm 2023	Năm 2024	Giá trị	%
A. Tài sản ngắn hạn	9.145.258.250	12.246.258.479	3.101.000.229	33,91
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.459.245.368	2.463.379.552	1.004.134.184	68,81
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn				
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	4.326.257.654	5.256.632.368	930.374.714	21,51
IV. Hàng tồn kho	2.969.685.324	4.024.126.235	1.054.440.911	35,51
V. Tài sản ngắn hạn khác	390.069.904	502.120.324	112.050.420	28,73
B. Tài sản dài hạn	281.256.258	182.246.357	(99.009.901)	-35,20
I. Các khoản phải thu dài hạn				
II. Tài sản cố định	281.256.258	182.246.357	(99.009.901)	-35,20
III. Bất động sản đầu tư				
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
V. Tài sản dài hạn khác				
TỔNG TÀI SẢN	9.426.514.508	12.428.504.836	3.001.990.328	31,85

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An)

Qua bảng phân tích sự biến động về tài sản công ty Bảo An theo chiều ngang, ta thấy toàn bộ tài sản của doanh nghiệp trong năm 2024 tăng 3.001.990.328 đồng so với năm 2023, tương đương với 31,85%. Mức tăng này hoàn toàn là do giá trị của tài sản ngắn hạn tăng mạnh hơn sự sụt giảm của tài sản dài hạn, trong đó:

+ Tiền và các khoản tương đương tiền có mức tăng cao nhất trong các khoản mục của tài sản ngắn hạn. Trong năm 2024 đã tăng 68,81% tương đương với 1.004.134.184 đồng so với năm 2023. Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2024 tăng 21.51% tương đương với 930.374.714 đồng, lý do là nền kinh tế khó khăn để kích thích mua hàng và giữ chân khách hàng và đạt được doanh thu tối thiểu ngành, công ty vẫn áp dụng cho khách hàng mua nợ, điều này khiến cho nợ phải thu ngắn hạn của công ty tăng lên, do vậy cần có sự tính toán kỹ lưỡng để không bị chiếm dụng vốn dẫn đến ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động kinh doanh.

+ Hàng tồn kho trong năm 2024 cũng tăng 35,51% so với năm 2023 tương đương với 1.054.440.911 đồng. Như đã giải thích bên trên, việc hàng tồn kho tăng không gây ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của công ty. Mặt khác, chiến lược năm 2025, công ty cũng đã ký hợp đồng với một số khách hàng tiềm năng, do vậy việc xuất kho hàng hóa chỉ còn là vấn đề thời gian. Mặt khác, có thể kể tới tài sản ngắn hạn khác của Công ty chiếm một phần nhỏ trong cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2024 đã tăng 112.050.420 đồng tương ứng với 28,73% so với năm 2023. Lý do cũng đã được trình bày bên trên. Tình hình kinh tế khó khăn, khủng hoảng lạm phát các doanh nghiệp thường chú trọng đầu tư vào các tài sản ngắn hạn thay vì tài sản dài hạn như trước đó.

Tài sản dài hạn trong năm qua của công ty giảm 35,2% tương đương với 99.009.901 đồng. Công ty Bảo An chỉ có tài sản cố định là tài sản dài hạn nhưng trong năm nay không đầu tư thêm khiến cho tài sản cố định giảm xuống do khấu hao tài sản cố định.

2.2.1.2 Phân tích cơ cấu nguồn vốn

Tương tự như phân tích cơ cấu tài sản trong bảng cân đối kế toán, cơ cấu nguồn vốn cũng được phân tích theo chiều dọc để thấy rõ sự thay đổi tỷ trọng và sự biến động nguồn vốn theo chiều ngang.

Bảng 2.3: Bảng phân tích cơ cấu nguồn vốn Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024 theo chiều dọc

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
A. Nợ phải trả	5.641.768.933	59,85	8.499.557.674	68,39
I. Nợ ngắn hạn	5.641.768.933	59,85	8.499.557.674	68,39
II. Nợ dài hạn				
B. Vốn chủ sở hữu	3.784.745.575	40,15	3.928.947.162	31,61
I. Vốn chủ sở hữu	3.784.745.575	40,15	3.928.947.162	31,61
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.000.000.000	31,83	3.000.000.000	24,14
2. LN sau thuế chưa phân phối	784.745.575	8,32	928.947.162	7,47
TỔNG NGUỒN VỐN	9.426.514.508	100,00	12.428.504.836	100,00

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An)

Qua bảng số liệu trên ta cũng có thể thấy cơ cấu nguồn vốn của Công ty Bảo An có sự chênh lệch lớn giữa nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

+ Nợ phải trả trong tổng nguồn vốn chiếm tỷ trọng cao hơn, chiếm tới 59,85% năm 2023 tương đương với 5.641.768.933 đồng và đang có xu hướng tăng lên. Năm 2024 chiếm 68,39% tương đương 8.499.557.674 đồng. Toàn bộ nợ phải trả đều là nợ ngắn hạn, không có khoản nợ dài hạn nào khác. Tỷ trọng nợ phải trả cao thường không tốt vì nó gây ảnh hưởng đến sự độc lập về tài chính của công ty. Theo lý thuyết thì đây là cơ cấu không hợp lý và có thể gây ra rủi ro thanh khoản cho công ty Bảo An. Nhưng trên thực tế hiện nay, phần lớn các công ty đều kinh doanh trên nguồn vốn vay. Điều này giải thích tại sao ngân hàng nhà nước hạ thấp lãi suất thì để các doanh nghiệp sẽ dễ tiếp cận với vốn vay hơn và sẽ mở rộng đầu tư, sản xuất. Việc sử dụng vốn vay để kinh doanh đem lại những lợi ích nhất định như giảm được thuế phải nộp, đó được gọi là đòn bẩy kinh doanh. Do vậy, công ty Bảo An cần phải xem xét và điều chỉnh lại tỷ trọng nợ phải trả trong cơ cấu nguồn vốn cho phù hợp với tình hình kinh tế. Mặc dù doanh thu thuần rất cao nhưng lợi nhuận sau thuế còn lại rất thấp do doanh nghiệp phải chi trả khoản lãi vay lớn. Chi phí sử dụng vốn cao sẽ là gánh nặng đối với các doanh nghiệp và khiến các doanh nghiệp có thể đương đầu với nhiều khó khăn trong tương lai.

+ Vốn chủ sở hữu chiếm 40,15% tổng vốn vào năm 2023 tương đương với 3.784.745.575 đồng và tỷ trọng này giảm xuống còn 31,61 % vào năm 2024 tương đương với 3.928.947.162 đồng. Ta thấy về mặt tỷ trọng mặc dù vốn CSH giảm xuống nhưng thực tế giá trị của nó vẫn tăng lên, nguyên nhân là do tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu năm 2024 chậm hơn nhiều so với tốc độ tăng của nợ phải trả. Vốn chủ sở hữu tăng lên là dấu hiệu đáng mừng nhưng với tốc độ tăng chậm như vậy thì công ty khó có thể cải thiện tình hình tài chính để giảm thiểu phụ thuộc vào nợ vay và tác động xấu của nó. Ngoài ra, trong cơ cấu vốn chủ sở hữu gồm có 2 khoản mục là vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn của công ty đang thay đổi theo sự phù hợp với chính nó và không có điểm thay đổi đột ngột quá khác biệt giữa các năm và cả những năm về trước. Với cơ cấu vốn tương đối ổn định sẽ giúp cho công ty sẽ thích ứng dần dần và có chính sách huy động vốn hợp lý.

Trong năm vừa qua, tổng nguồn vốn của doanh nghiệp đã tăng rõ rệt. Ta cần phân tích sự biến động nguồn vốn theo bảng sau:

Bảng 2.4: Bảng phân tích sự biến động nguồn vốn Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024 theo chiều ngang

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Giá trị		Chênh lệch	
	Năm 2023	Năm 2024	Giá trị	%
A. Nợ phải trả	5.641.768.933	8.499.557.674	2.857.788.741	50,65
I. Nợ ngắn hạn	5.641.768.933	8.499.557.674	2.857.788.741	50,65
II. Nợ dài hạn				
B. Vốn chủ sở hữu	3.784.745.575	3.928.947.162	144.201.587	3,81
I. Vốn chủ sở hữu	3.784.745.575	3.928.947.162	144.201.587	3,81
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.000.000.000	3.000.000.000		0
2. LN sau thuế chưa phân phối	784.745.575	928.947.162	144.201.587	18,38
TỔNG NGUỒN VỐN	9.426.514.508	12.428.504.836	3.001.990.328	31,85

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An)

+ Khoản mục nợ phải trả của tổng vốn tăng 50,65% tương đương với 2.857.788.741 đồng trong năm 2024 và toàn bộ đó đều là nợ ngắn. Điều này cho thấy trong năm vừa qua doanh nghiệp đã huy động một lượng lớn nợ ngắn hạn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chủ yếu là mua hàng để dự trữ và chi trả cho các khoản khác của doanh nghiệp, nợ dài hạn của doanh nghiệp hoàn toàn không có, cơ cấu nợ vay có thể nói là chưa hợp lý. Do vậy công ty Bảo An cần thay đổi cơ cấu nợ vay để tránh tình trạng khó khăn khi thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

+ Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp năm vừa qua có dấu hiệu tăng nhưng mức tăng rất thấp chỉ 3,81% tương đương với 144.201.587 đồng so với năm 2023. Đây cũng chính là mức tăng của khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, vốn đầu tư của chủ sở hữu không có sự thay đổi do không có kế hoạch đầu tư thêm. Công ty cũng cần thay đổi cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay để cải thiện tình hình tài chính giúp tự chủ hơn về mặt tài chính, giảm thiểu chi phí lãi vay để gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

2.2.1.3 Phân tích sự cân đối tài sản và nguồn vốn

Nếu chỉ dừng lại ở phân tích tài sản và nguồn vốn sẽ không thấy được chính sách huy động vốn của doanh nghiệp. Chính sách huy động vốn của doanh nghiệp không chỉ phản ánh nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn có quan hệ trực tiếp đến an ninh tài chính và hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp, do vậy nó sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Để phân tích mối quan hệ giữa tài sản và nguồn các nhà phân tích thường tính toán và so sánh các chỉ tiêu sau:

- Cân đối giữa tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn

Bảng 2.5: Bảng phân tích sự cân đối giữa TSNH và NNH của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Tài sản ngắn hạn	So sánh	Nợ ngắn hạn
Năm 2023	9.145.258.250	>	5.641.768.933
Năm 2024	12.246.258.479	>	8.499.557.674

Ta thấy nợ ngắn hạn không đủ để đầu tư cho tài sản ngắn hạn, cho biết doanh nghiệp cần phải sử dụng thêm vốn chủ sở hữu để tài trợ cho tài sản ngắn hạn. Công ty không bị phụ thuộc quá nhiều vào nợ ngắn hạn giúp doanh nghiệp tăng khả năng chi trả và không gặp khó khăn đối với các khoản nợ ngắn hạn.

- Cân đối giữa tài sản dài hạn và vốn chủ sở hữu

Bảng 2.6: Bảng phân tích sự cân đối giữa TSDH và VCSH của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024

- ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Tài sản dài hạn	So sánh	Vốn chủ sở hữu
Năm 2023	281.256.258	<	3.784.745.575
Năm 2024	182.246.357	<	3.928.947.162

Ta thấy toàn bộ tài sản dài hạn của công ty đều được đầu tư bằng vốn chủ sở hữu do không có nợ dài hạn. Điều này cho thấy sự tự chủ khá tốt về mặt tài chính của công ty. Do không đầu tư nhiều vào tài sản dài hạn nên việc không tận dụng được nguồn vay nợ dài hạn cũng không gây ảnh hưởng cho lợi ích của doanh nghiệp. Hơn nữa trong hoàn cảnh kinh tế chưa có dấu hiệu tích cực như hiện nay thì việc hạn chế đầu tư vào tài sản dài hạn là một biện pháp đúng đắn.

2.2.2 Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 2.7: Bảng phân tích báo cáo KQHĐKD của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024 theo chiều ngang

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch	
				Số tiền	%
1	DTBH và cung cấp DV	57.523.541.220	63.245.368.357	5.721.827.137	9,95
2	Các khoản giảm trừ DT	0	0	0	
3	DTT về BH và cung cấp DV	57.523.541.220	63.245.368.357	5.721.827.137	9,95
4	Giá vốn hàng bán	40.269.257.320	45.789.990.230	5.520.732.910	13,71
5	LNG về BH và cung cấp DV	17.254.283.900	17.455.378.127	201.094.227	1,17
6	DT hoạt động tài chính				
7	Chi phí tài chính				
	Trong đó: CP lãi vay				
8	Chi phí quản lý DN	3.523.248.330	3.726.255.360	203.007.030	5,76
9	LNT từ hoạt động KD	13.731.035.570	13.729.122.767	(1.912.803)	0,01
10	Thu nhập khác				
11	Chi phí khác				
12	Lợi nhuận khác				
13	Lợi nhuận trước thuế	13.731.035.570	13.729.122.767	(1.912.803)	0,01
14	Thuế TNDN	3.020.827.825	3.020.407.009	(420.816)	0,01
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.710.207.745	10.708.715.758	(1.491.987)	0,01

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy: Lợi nhuận sau thuế của công ty Bảo An dường như không có sự thay đổi, năm 2024 giảm 0,01% so với năm 2023, một con số rất nhỏ nguyên nhân là do lợi nhuận thuần giảm. Năm 2024 là năm khó khăn đối với các doanh nghiệp nói chung do ảnh hưởng kinh tế cùng với hàng loạt những biến động thời tiết, đặc biệt là sự ảnh hưởng của cơn bão YAGI. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2024 so với năm 2023 tăng 5,76% tương đương với 203.007.030 đồng. Chi phí QLDN bao gồm các khoản chi phí phát sinh có liên quan chung tới toàn bộ hoạt động của công ty, là khoản chi phí cố định, ít biến đổi theo quy mô kinh doanh. Sở dĩ chi phí QLDN năm 2024 tăng là do trong năm công ty phát sinh các khoản chi phí liên quan, tuy nhiên con số này không phải là một con số lớn.

Do tốc chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nhiều hơn lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, cho nên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm đi đôi chút, 1.912.803 đồng tương ứng với 0,01%. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 cũng vì đó mà giảm theo.

Bảng 2.8: Bảng phân tích báo cáo KQHĐKD của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024 theo chiều dọc

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Tỷ trọng (%)	Năm 2024	Tỷ trọng (%)
1	DTBH và cung cấp DV	57.523.541.220	100	63.245.368.357	100
2	Các khoản giảm trừ DT	0		0	
3	DTT về BH và cung cấp DV	57.523.541.220	100	63.245.368.357	100
4	Giá vốn hàng bán	40.269.257.320	70,00	45.789.990.230	72,40
5	LNG về BH và cung cấp DV	17.254.283.900	30,00	17.455.378.127	27,60
6	DT hoạt động tài chính				
7	Chi phí tài chính				
	Trong đó: CP lãi vay				
8	Chi phí quản lý DN	3.523.248.330	6,12	3.726.255.360	5,89
9	LNT từ hoạt động KD	13.731.035.570	23,87	13.729.122.767	21,71
10	Thu nhập khác				
11	Chi phí khác				
12	Lợi nhuận khác				
13	Lợi nhuận trước thuế	13.731.035.570	23,87	13.729.122.767	21,71
14	Thuế TNDN	3.020.827.825	5,25	3.020.407.009	4,78
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.710.207.745	18,62	10.708.715.758	16,93

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An)

Việc phân tích báo cáo KQHĐKD theo chiều dọc giúp ta thấy được để có một đồng doanh thu thuần thì cần bao nhiêu đồng giá vốn, bao nhiêu đồng chi phí và thu về bao nhiêu đồng lợi nhuận.

Nhìn vào bảng ta có thể nhận thấy để có 100 đồng doanh thu thuần thì trong năm 2023 doanh nghiệp phải bỏ ra 70,00 đồng giá vốn và 6,12 đồng chi phí quản lý doanh nghiệp. Năm 2024, để thu về 100 đồng doanh thu thuần doanh nghiệp mất 72,40 đồng giá vốn và mất 5,89 đồng chi phí quản lý doanh nghiệp. Qua số liệu trên ta thấy được các loại chi phí bỏ ra để thu được 100 đồng doanh thu thuần đã có sự thay đổi:

+ Sự tăng lên của giá vốn dù không lớn nhưng cũng đã khiến cho lợi nhuận gộp giảm xuống. Năm 2023, cứ 100 đồng doanh thu thuần tạo ra được 30,00 đồng lợi nhuận gộp. Năm 2024, cứ 100 đồng doanh thu thuần chỉ thu về được 27,6 đồng lợi nhuận gộp.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh có giảm nhưng không đáng kể. Năm 2023, cứ 100 đồng doanh thu thuần doanh nghiệp tạo ra được 23,87 đồng lợi nhuận thuần nhưng sang năm 2024, cứ 100 đồng doanh thu thuần công ty chỉ thu được 21,71 đồng lợi nhuận thuần. Điều này cho thấy dù đã vay ngắn hạn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh nhưng xem ra hiệu quả vẫn chưa nhìn thấy được, không những thế nó còn làm cho lợi nhuận giảm sút. Công ty cần cân nhắc có nên sử dụng nợ vay hoặc sử dụng một cách có hợp lý để đạt hiệu quả trong kinh doanh.

+ Năm 2023, cứ 100 đồng doanh thu thuần thì công ty thu về được 18,62 đồng lợi nhuận sau thuế. Đến năm 2024, con số này giảm xuống còn 16,93. Lợi nhuận của công ty có giảm một chút do các khoản chi phí phát sinh chứ không ảnh hưởng đến doanh thu, do vậy công ty cần quản lý tất cả các loại chi phí hiệu quả hơn để tiết kiệm chi phí và xem xét lại việc sử dụng nợ ngắn hạn sao cho hợp lý hơn để tăng lợi nhuận.

2.2.3 Phân tích các nhóm chỉ tiêu tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính chưa thể hiện hết được thực trạng tài chính doanh nghiệp, do vậy chúng ta cần phân tích các chỉ tiêu tài chính để giải thích thêm về các mối quan hệ tài chính và coi các chỉ tiêu tài chính là biểu hiện đặc trưng nhất của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định.

2.2.3.1 Nhóm chỉ số về khả năng thanh toán

Tình hình công nợ thể hiện tình hình chiếm dụng trong thanh toán, khi nguồn vốn bù đắp cho tài sản bị thiếu thì công ty đi chiếm dụng vốn của công ty khác và ngược lại. Nếu vốn bị chiếm dụng quá nhiều sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán sẽ giúp ta thấy được tình hình tài chính hiện tại của công ty.

Bảng 2.9: Bảng phân tích nhóm chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch	
				Giá trị	%
1	Tổng tài sản	9.426.514.508	12.428.504.836	3.001.990.328	31,85
2	Nợ phải trả	5.641.768.933	8.499.557.674	2.857.788.741	50,65
3	Tài sản ngắn hạn	9.145.258.250	12.246.258.479	3.101.000.229	33,91
4	Nợ ngắn hạn	5.641.768.933	8.499.557.674	2.857.788.741	50,65
5	Tiền và các khoản TĐT	1.459.245.368	2.463.379.552	1.004.134.184	68,81
6	Hàng tồn kho	2.969.685.324	4.024.126.235	1.054.440.911	35,51
7	Lãi vay				
8	EBIT				
9	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (=1/2)	1,67	1,46	-0,21	-12,57
10	Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (=3/4)	1,62	1,44	-0,18	-11,11
11	Hệ số khả năng thanh toán nhanh =(3-6)/4)	1,09	0,97	-0,12	-11,01
12	Hệ số khả năng thanh toán tức thời (=5/4)	0,26	0,29	0,03	11,54

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An)

Qua bảng đánh giá khả năng thanh toán của công ty ta nhận thấy:

- Hệ số khả năng thanh toán tổng quát là chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán chung của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu này cho biết: với tổng số tài sản hiện có, doanh nghiệp có bảo đảm trang trải được các khoản nợ phải trả hay không. Năm 2023, hệ số này của công ty là 1,67 cho biết công ty có 1,67 đồng tài sản để đảm bảo cho 1 đồng nợ phải trả và năm 2024 chỉ tiêu này giảm xuống còn 1,46. Chỉ số này giảm xuống do tỷ lệ tăng của nợ phải trả cao hơn tỷ lệ tăng của tổng tài sản, trong khi đó ta thấy vốn vay của công ty hoàn toàn là nợ ngắn hạn. Điều này cho thấy khả năng tự tài trợ của doanh nghiệp kém.

- Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (hệ số khả năng thanh toán hiện thời) cả 2 năm đều xấp xỉ với hệ số khả năng thanh toán tổng quát do nợ ngắn hạn cũng chính là nợ phải trả, và chiếm chủ yếu tổng tài sản là tài sản ngắn hạn. Chỉ số này của doanh nghiệp khá thấp năm 2023 là 1,62 và đến năm 2024 giảm xuống còn 1,44 trong khi chỉ số này phải xấp xỉ =2 mới có thể đảm bảo khả năng thanh toán cho công ty. Điều này cho thấy cơ cấu nợ vay ngắn hạn

của công ty khá lớn, cần có sự xem xét điều chỉnh cơ cấu này hợp lý để khả năng thanh toán được cải thiện.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2023 là 1,09 cho biết doanh nghiệp có 1,09 đồng vốn bằng tiền và các khoản bằng tiền để thanh toán ngay cho 1 đồng nợ ngắn hạn. Tỷ lệ này >1 cho thấy công ty đảm bảo khả năng thanh toán nhưng đến năm 2024 tỷ lệ này giảm xuống còn 0,97 do hàng tồn kho của năm 2024 tăng 35,51% so với năm 2023, tuy nhiên tỷ lệ này vẫn xấp xỉ $=1$ nên vẫn có thể chấp nhận. Do vậy công ty chỉ cần xem xét lại kế hoạch dự trữ hàng tồn kho để cải thiện khả năng thanh toán nhanh của mình.

- Hệ số khả năng thanh toán tức thời cho biết doanh nghiệp có bao nhiêu đồng vốn bằng tiền để sẵn sàng thanh toán cho 1 đồng nợ ngắn hạn. Tỷ lệ này chấp nhận được ở mức xấp xỉ 0,5 nhưng của công ty cả 2 năm đều ở mức thấp cho thấy lượng tiền mặt sẵn sàng để chi thanh toán nợ ngắn hạn rất thấp. Mặc dù tỷ lệ này có tăng lên là 0,03 nhưng con số này là không đáng kể. Công ty vẫn cần phải cải thiện lượng tiền mặt để sẵn sàng thanh toán cho khách hàng.

2.2.3.2 Nhóm chỉ số về cơ cấu nguồn vốn và tình hình đầu tư

Bảng 2.10: Bảng phân tích nhóm chỉ số cơ cấu nguồn vốn và tình hình đầu tư của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch	
				Giá trị	%
1	Vốn chủ sở hữu	3.784.745.575	3.928.947.162	144.201.587	3,81
2	Vốn vay	5.641.768.933	8.499.557.674	2.857.788.741	50,65
3	Tổng nguồn vốn	9.426.514.508	12.428.504.836	3.001.990.328	31,85
4	Tổng tài sản	9.426.514.508	12.428.504.836	3.001.990.328	31,85
5	Tài sản ngắn hạn	9.145.258.250	12.246.258.479	3.101.000.229	33,91
6	Tài sản dài hạn	281.256.258	182.246.357	(99.009.901)	-35,20
7	Hệ số nợ ($=2/3$)	0,60	0,68	0,08	13,33
8	Hệ số vốn chủ ($=1/3$)	0,40	0,32	-0,08	-20,00
9	Hệ số đảm bảo nợ ($=1/2$)	0,67	0,46	-0,21	-31,34
10	Tỷ suất đầu tư vào TSNH ($=5/4$)	0,97	0,99	0,02	2,06
11	Tỷ suất đầu tư vào TSDH ($=6/4$)	0,03	0,01	-0,02	-66,67

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An)

- Hệ số nợ: Năm 2023, hệ số nợ = 0,6. Điều này cho biết để có 1 đồng vốn kinh doanh thì doanh nghiệp phải đi vay 0,6 đồng và đến năm 2024 hệ số vốn vay tiếp tục tăng lên là 0,68, chủ yếu là vay nợ ngắn hạn. Chúng ta có thể thấy rằng công ty đang bị phụ thuộc nhiều vào vốn vay từ bên ngoài, tình hình tài chính của không tốt, khả năng tự tài trợ thấp. Nhưng với đặc thù là kinh doanh lĩnh vực tự động hóa, vốn đầu tư ít, điều đó chứng tỏ công ty đang tận dụng khá tốt hệ số đòn bẩy tài chính, khi mà chỉ cần đầu tư một lượng nhỏ nhưng vẫn sử dụng được lượng tài sản lớn để hoạt động có hiệu quả.

- Hệ số vốn chủ (tỷ suất tự tài trợ): Trái ngược với hệ số nợ thì hệ số vốn chủ của công ty năm 2023 là 0,4 và đến năm 2024 giảm xuống còn 0,32. Hệ số này giảm xuống không phải do vốn CSH giảm, mà do tốc độ tăng của vốn CSH chậm hơn tốc độ tăng của vốn vay nên đã làm cho hệ số vốn chủ giảm 20%. Dấu hiệu này cho thấy vấn đề tài chính của công ty khá yếu, việc tự chủ trong sử dụng vốn rất thấp khiến hiệu quả hoạt động giảm xuống. Trong điều kiện kinh tế khó khăn và có nhiều rủi ro như hiện nay, để đứng vững được trên thị trường, công ty cần gia tăng vốn chủ sở hữu bằng nhiều cách như kêu gọi đầu tư, góp vốn do là công ty cổ phần.

- Hệ số đảm bảo nợ: Năm 2012, hệ số đảm bảo nợ của công ty là 0.67 nghĩa là cứ 1 đồng vốn vay sẽ được đảm bảo bằng 0,67 đồng vốn chủ. Điều này cho thấy tình hình tài chính của công ty đang gặp tình trạng thiếu an toàn. Vốn CSH không đủ để chi trả cho các khoản vay nợ, hơn thế nữa hệ số này còn giảm thấp hơn trong năm 2024 là 0.46.

- Tỷ suất đầu tư vào TSNH và TSDH: Do đặc thù vốn đầu tư ít nên công ty chỉ tập trung đầu tư vào tài sản ngắn hạn. Tỷ suất đầu tư vào TSNH năm 2023 là 0,97 trong khi tỷ suất đầu tư vào TSDH chỉ có 0,03. Sang năm 2024, tỷ suất đầu tư vào TSNH tăng lên là 0,99, mức tăng này không cao do năm vừa qua kinh tế chưa ổn định nên công ty cũng hạn chế mua sắm mở rộng kinh doanh. Tỷ suất đầu tư vào TSDH giảm xuống còn 0,01 do công ty không mua sắm đầu tư cho tài sản cố định trong khi giá trị của tài sản cố định giảm xuống do khấu hao. Đây có thể coi là biện pháp an toàn để đối phó với sự khắc nghiệt của nền kinh tế.

2.2.3.3 Nhóm chỉ số về khả năng hoạt động

Bảng 2.11: Bảng phân tích nhóm chỉ số về khả năng hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch	
				Giá trị	%
1	Giá vốn hàng bán	40.269.257.320	45.789.990.230	5.520.732.910	13,71
2	Hàng tồn kho	2.969.685.324	4.024.126.235	1.054.440.911	35,51
3	Khoản phải thu	4.326.257.654	5.256.632.368	930.374.714	21,51
4	Doanh thu thuần	57.523.541.220	63.245.368.357	5.721.827.137	9,95
5	Tài sản lưu động	9.145.258.250	12.246.258.479	3.101.000.229	33,91
6	Tài sản cố định	281.256.258	182.246.357	(99.009.901)	-35,20
7	Tổng tài sản	9.426.514.508	12.428.504.836	3.001.990.328	31,85
8	Vòng quay HTK (=1/2)	13,56	11,38	-2,18	-16,08
9	Số ngày 1 vòng quay HTK (=360/số vòng quay HTK)	26,55	31,64	5,09	19,17
10	Vòng quay KPT (=4/3)	13,30	12,03	-1,27	-9,55
11	Kỳ thu tiền bình quân (=360/số vòng quay KPT)	27,08	29,92	2,84	10,49
12	Vòng quay vốn LĐ (=4/5)	6,29	5,16	-1,13	-17,97
13	Số ngày 1 vòng quay VLĐ (=360/số vòng quay VLĐ)	57,23	69,71	12,48	21,81
14	Vòng quay vốn cố định (=4/6)	204,53	347,03	142,5	69,67
15	Vòng quay tổng tài sản (=4/7)	6,10	5,09	-1,01	-16,56

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An)

- Vòng quay hàng tồn kho và số ngày 1 vòng quay HTK:

+ Vòng quay HTK của công ty có xu hướng giảm xuống. Tuy giá vốn hàng bán tăng nhưng hàng tồn kho năm 2024 so với năm 2023 có tốc độ tăng cao hơn khiến vòng quay hàng tồn năm 2023 là 13,56 vòng, năm 2024 giảm xuống còn 11,38 vòng. Do vậy công ty cũng cần xem xét cân nhắc việc lưu trữ hàng hóa hợp lý tránh ứ đọng vốn, khiến hiệu quả sử dụng vốn thấp, gây ra nhiều phí tổn không cần thiết khác cho doanh nghiệp, khiến một số hoạt động khác bị ảnh hưởng do thiếu tiền mặt chi trả.

+ Do vòng quay HTK giảm cho nên số ngày 1 vòng quay HTK năm 2024 tăng lên 5,09 ngày tương đương với 19,17% so với năm 2023

- Vòng quay khoản phải thu và kỳ thu tiền bình quân:

+ Vòng quay khoản phải thu không có sự thay đổi lớn, năm 2023, số vòng quay KPT là 13,3 vòng, năm 2024 giảm nhẹ xuống 12,03 vòng, mức giảm 1,27 vòng tương đương 9,55%.

+ Khoản phải thu trong năm 2024 tăng lên 21,51% tương đương với 930.374.714 đồng so với năm 2023, mức tăng này cao hơn mức tăng của doanh thu thuần là 9,95% đã khiến cho kỳ thu tiền bình quân tăng lên 2,84 ngày. Tuy nhiên đây hoàn toàn là con số khá hợp lý bởi kỳ thu tiền bình quân không thay đổi đáng kể và nằm ở mức có thể xử lý được. Đối với 1 doanh nghiệp tự động hóa thì kỳ thu tiền bình quân nằm ở dưới mức 30 ngày là điều hoàn toàn hợp lý.

- Vòng quay vốn lưu động và số ngày 1 vòng quay VLD:

+ Năm 2024 vòng quay vốn lưu động là 5,16 vòng cho biết cứ 1 đồng vốn lưu động tạo ra được 5,16 đồng doanh thu. Nhưng trong năm 2023, vòng quay vốn lưu động là 6,29 vòng, chứng tỏ trong năm 2024 vốn lưu động quay được ít vòng hơn, chứng tỏ hiệu quả việc sử dụng vốn lưu động giảm.

+ Do vòng quay VLD giảm đã khiến cho số ngày 1 vòng quay VLD tăng lên từ 57,23 ngày (năm 2023) lên 69,71 ngày (năm 2024), tăng lên 12,48 ngày tương ứng với 21,81%. Công ty nên có biện pháp điều chỉnh con số này cho hợp lý để có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn.

- Vòng quay tổng tài sản cho biết 1 đồng tài sản tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu, chỉ số này cho thấy hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Chỉ số này của công ty năm 2023 là 6,1 vòng, năm 2024 giảm xuống còn 5,09 vòng, giảm hơn 1 vòng tương đương 16,56%. Nguyên nhân là do tổng tài sản của công ty tăng với tốc độ tăng là 31,81% cao hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần là 9,95% nên đã khiến cho vòng quay tổng tài sản giảm. Biểu hiện này cho thấy hiệu quả sử dụng tổng tài sản của công ty đang đi xuống, hiệu quả kinh doanh giảm, do vậy cần có biện pháp điều chỉnh các hoạt động của mình để sử dụng tài sản hiệu quả hơn. Nhìn chung qua bảng trên ta có thể đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của công ty đang có dấu hiệu giảm sút nhẹ. Vì vậy trong thời gian tới

công ty cần có các chính sách phù hợp để làm tăng doanh thu từ đó sẽ nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

2.2.3.4 Nhóm chỉ tiêu sinh lời

Bảng 2.12: Bảng phân tích nhóm chỉ tiêu sinh lời của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch	
				Giá trị	%
1	Doanh thu thuần	57.523.541.220	63.245.368.357	5.721.827.137	9,95
2	Tổng tài sản	9.426.514.508	12.428.504.836	3.001.990.328	31,85
3	Tổng nguồn vốn	9.426.514.508	12.428.504.836	3.001.990.328	31,85
4	Vốn CSH	3.784.745.575	3.928.947.162	144.201.587	3,81
5	Lợi nhuận trước thuế	13.731.035.570	13.729.122.767	(1.912.803)	-0,01
6	Lợi nhuận sau thuế	10.710.207.745	10.708.715.758	(1.491.987)	-0,01
7	Tỷ suất LNTT trên DT	0,24	0,22	-0,02	-8,33
8	Tỷ suất LNST trên DT	0,19	0,17	-0,02	-10,53
9	ROA (6/2)	1,14	0,86	-0,28	-24,56
10	Tỷ suất LNTT trên vốn KD	1,46	1,10	-0,36	-24,66
11	Tỷ suất LNST trên vốn KD	1,14	0,86	-0,28	-24,56
12	ROE (6/4)	2,83	2,73	-0,10	-3,53

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An)

Nhìn một cách khái quát, các chỉ số về khả năng sinh lời của công ty Bảo An năm 2023 – 2024 đều giảm, nhưng giảm ở mức có thể kiểm soát. Cụ thể như sau:

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu:

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu có xu hướng giảm nhẹ. Năm 2023 cứ 1 đồng doanh thu tạo ra thì có 0,24 đồng lợi nhuận trước thuế và tạo ra 0,19 đồng lợi nhuận sau thuế. Sang năm 2024 cứ 1 đồng doanh thu thì tạo ra 0,22 đồng lợi nhuận trước thuế và tạo ra 0,17 đồng lợi nhuận sau thuế. Mặc dù doanh thu tăng 9,95% tương đương với 5.721.827.137 đồng nhưng 2 chỉ tiêu này có giảm nguyên nhân là do giá vốn hàng bán và chi phí phát sinh năm 2024 cao hơn năm 2023 làm cho lợi nhuận giảm. Nhìn khái quát và rộng hơn thì con số này không phải là con số đáng lo ngại. Mặc dù tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của công ty giảm nhưng mức giảm rất thấp chỉ 0,02, điều này cũng được chứng

minh bởi một số thiệt hại gây ra do cơn bão YAGI mang lại, gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh cho công ty, khiến công ty phải bỏ ra một lượng chi phí khá lớn cho việc tu sửa lại nhà xưởng, văn phòng, khắc phục sự cố và hỏng hóc hàng hóa sau bão, gián tiếp gây trì trệ quá trình kinh doanh cũng như gián đoạn thời gian làm việc của toàn bộ nhân viên. Hơn nữa, giá vốn hàng bán tăng cũng một phần nào khẳng định sự khốc liệt của thị trường, vật giá leo thang khiến cho đầu vào sản xuất tăng đột biến lên tới 13,71%. Tuy nhiên nếu cứ tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng doanh thu như hiện tại thì việc nâng cao tỷ suất lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh đối với công ty là điều dễ dàng.

- Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản ROA:

Cũng tương tự như tốc độ giảm của tỷ suất sinh lời trên doanh thu, tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản cũng giảm và tốc độ giảm mạnh hơn, nguyên nhân là do tốc độ tăng của TTS là $31,85\% >$ tốc độ tăng của DTT là $9,95\%$. Tỷ suất ROA năm 2023 là 1,14 và năm 2024 là 0,86, năm 2024 tỷ suất này đã giảm 24,56% so với năm 2023. Năm 2023, bình quân cứ 1 đồng giá trị TTS tạo ra 1,14 đồng LNST, năm 2024, cứ 1 đồng giá trị TTS bỏ ra thu được 0,86 đồng LNST. Điều đó cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của công ty đang giảm, cần có biện pháp khắc phục bằng cách điều chỉnh giảm tốc độ tăng của TTS, giảm chi phí hoặc nắm bắt tình trạng giá vốn để điều chỉnh doanh thu và lợi nhuận trước thuế cũng như sau thuế.

- Tỷ suất lợi nhuận vốn kinh doanh bình quân:

Năm 2023, bình quân cứ 1 đồng vốn kinh doanh bình quân đưa vào sản xuất kinh doanh thì đem lại cho công ty 1,46 đồng lợi nhuận trước thuế và 1,14 đồng lợi nhuận sau thuế, đến năm 2024 cứ 1 đồng vốn kinh doanh đem lại 1,10 đồng lợi nhuận trước thuế và 0,86 đồng lợi nhuận sau thuế. Như đã phân tích ở tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, do tốc độ tăng của giá vốn hàng bán cao hơn tốc độ tăng của DTT làm cho LNTT và LNST giảm. Tuy mức độ giảm của LNTT và LNST chỉ có 0,01% nhưng tốc độ tăng của vốn kinh doanh là 31,85% đã làm cho 2 tỷ suất này giảm xuống. Năm 2023, cứ 1 đồng vốn kinh doanh bình quân bỏ vào sẽ tạo ra được 1,46 đồng LNTT và 1,14 đồng LNST. Đến năm 2024, cứ 1 đồng vốn kinh doanh bình quân bỏ vào sẽ tạo ra được 1,10 đồng LNTT và 0,86 đồng LNST, 2 chỉ số này giảm lần lượt tương ứng với

24,66 và 24,56%. Điều này chứng tỏ hiệu quả sử dụng VKD bình quân cũng chưa có hiệu quả cao. Tuy nhiên chỉ với con số tương đối của 2 năm BCTC mà không nhìn lại cả quá trình cũng như những dự định trong giai đoạn tiếp, ta chưa thể kết luận vội vàng điều gì.

- Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu bình quân ROE:

Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu cũng giảm ở mức có thể kiểm soát. Năm 2023 cứ 1 đồng vốn chủ sở hữu bình quân đưa vào sản xuất kinh doanh đã tạo ra được 2,83 đồng lợi nhuận sau thuế và đến năm 2024 con số này đã giảm đi 0,1 đồng tương ứng với 3,53%, con số 2,73 cho thấy cứ 1 đồng vốn chủ sở hữu bình quân đưa vào sản xuất kinh doanh đã tạo ra được 2,73 đồng lợi nhuận sau thuế. Tốc độ tăng của vốn CSH năm 2024 so với năm 2023 là 3,81%, cao hơn so với tốc độ giảm 0,01% của LNST đã khiến tỷ suất này giảm đi. Điều này cũng tương tự như tỷ suất LNST/VKD bình quân.

2.2.4 Phân tích tổng quát tình hình tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An

Bảng 2.13: Bảng phân tích khái quát tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An năm 2023 – 2024

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch	
				Giá trị	%
1	Cơ cấu tài sản và nguồn vốn				
	Tỷ trọng TSNH/TTS	97,02	98,53	1,51	1,56
	Tỷ trọng TSDH/TTS	2,98	1,47	-1,51	-50,67
	Tỷ trọng nợ phải trả/VKD	59,85	68,39	8,54	14,27
	Tỷ trọng VCSH/VKD	40,15	31,61	-8,54	-21,27
2	Nhóm chỉ số về khả năng thanh toán				
	Khả năng thanh toán tổng quát	1,67	1,46	-0,21	-12,57
	Khả năng thanh toán hiện thời	1,62	1,44	-0,18	-11,11
	Khả năng thanh toán nhanh	1,09	0,97	-0,12	-11,01
	Khả năng thanh toán tức thời	0,26	0,29	0,03	11,54
3	Nhóm chỉ số về cơ cấu nguồn vốn và tình hình đầu tư				
	Hệ số nợ	0,60	0,68	0,08	13,33
	Hệ số vốn chủ	0,40	0,32	-0,08	-20,00
	Hệ số đảm bảo nợ	0,67	0,46	-0,21	-31,34

Tỷ suất đầu tư vào TSNH	0,97	0,99	0,02	2,06
Tỷ suất đầu tư vào TSDH	0,03	0,01	-0,02	-66,67
4	Nhóm chỉ số về khả năng hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	13,56	11,38	-2,18	-16,08
Vòng quay khoản phải thu	13,30	12,03	-1,27	-9,55
Vòng quay vốn lưu động	6,29	5,16	-1,13	-17,97
Vòng quay vốn cố định	204,53	347,03	142,50	69,67
Vòng quay tổng tài sản	6,10	5,09	-1,01	-16,56
5	Nhóm chỉ số về khả năng sinh lời			
Tỷ suất LN/DT (ROS)	0,19	0,17	-0,02	-10,53
Tỷ suất LN/ Vốn CSH (ROA)	1,14	0,86	-0,28	-24,56
Tỷ suất LN/TTS (ROE)	2,83	2,73	-0,10	-3,53

Qua việc phân tích tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An, ta rút ra được một số nhận xét sau:

- Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối trong cơ cấu TTS của doanh nghiệp và có xu hướng tăng cả về mặt giá trị lẫn tỷ trọng. Tài sản dài hạn chỉ chiếm tỷ trọng tương đối thấp và có xu hướng giảm cả về mặt giá trị và tỷ trọng. Nói chung cơ cấu tài sản này của doanh nghiệp được cho là phù hợp với đặc điểm loại hình công ty và điều kiện của nền kinh tế.

+ Cơ cấu nguồn vốn của công ty ở mức cân đối và có thể đặt lên cán cân để so sánh, tuy nhiên cơ cấu nguồn vốn cũng có sự thay đổi khi mà nợ phải trả tăng lên 14,27%, làm cho tỷ trọng vốn CSH giảm 21,27%. Điều này cho thấy công ty tiến hành vay nợ thêm để mở rộng hoạt động kinh doanh.

- Về các nhóm chỉ số tài chính:

Hầu như tất cả các chỉ tiêu tài chính của công ty năm 2024 đều giảm so với năm 2023, mức giảm nằm trong tầm kiểm soát, có thể dễ dàng tìm nguyên nhân và hướng khắc phục..

CHƯƠNG 3. BIỆN PHÁP CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT BẢO AN

3.1 Định hướng phát triển của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An

3.1.1 Xác định mục tiêu, chiến lược kinh doanh trong giai đoạn mới

Việc tối đa hóa lợi nhuận luôn là mục tiêu mà tất cả các doanh nghiệp hướng tới. Không chỉ hướng đến là một doanh nghiệp mạnh trong ngành tự động hóa, mục tiêu chính của công ty vẫn hướng đến sự tăng cường hiệu suất, độ chính xác, an toàn và tự động hóa quy trình làm việc.

3.1.2 Phương hướng phát triển của công ty giai đoạn 2025 – 2030

Năm 2025 sẽ là một năm tiếp tục lộ trình hội nhập, nên kinh tế mở cửa doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn chung của nền kinh tế. Để tồn tại và đứng vững trên thị trường, công ty cần tiếp tục nỗ lực khắc phục những yếu kém còn tồn tại đồng thời nghiên cứu đưa ra các giải pháp hợp lý trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tận dụng tối đa các cơ hội và hạn chế các rủi ro có thể lường trước. Nắm bắt được tầm quan trọng của việc xác định mục tiêu và phương hướng hoạt động doanh nghiệp đã đặt ra cho mình những mục tiêu rõ ràng sau:

- củng cố, mở rộng thị trường đang có.
- Triển khai kế hoạch khai thác thị trường mới.
- Nâng cao chất lượng công tác phục vụ và chăm sóc khách hàng.
- Cần triển khai các hoạt động marketing, thu hút kêu gọi đầu tư để mở rộng hoạt động kinh doanh.
- Thu hút nhân sự, mở rộng mô hình quản lý.
- Cải thiện tình hình tài chính, thu hút vốn đầu tư, thay đổi cơ cấu nguồn vốn, điều chỉnh tăng vốn CSH để chủ động đối phó các khoản nợ, tăng cường chính sách tài chính cho công ty, trở thành 1 doanh nghiệp lớn mạnh.

3.2 Một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An

3.2.1 Giảm tỷ trọng các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn là các khoản nợ mà công ty dự kiến sẽ thu hồi trong một chu kỳ kinh doanh thông thường tính từ thời điểm báo cáo. Các khoản nợ phải thu ngắn hạn bao gồm:

- Khoản nợ ngắn hạn từ khách hàng.
- Khoản trả trước ngắn hạn cho người bán.

Các khoản phải thu ngắn hạn giảm có thể mang các ý nghĩa sau:

- Cải thiện dòng tiền: Doanh nghiệp thu tiền từ khách hàng nhanh hơn, cải thiện dòng tiền hiệu quả hơn.
- Quy trình thu nợ và quản lý tín dụng được cải thiện.
- Tăng khả năng thanh toán: Doanh nghiệp có thêm tiền để thanh toán các khoản nợ khác hoặc đầu tư mở rộng kinh doanh.
- Giảm rủi ro tín dụng do không thu hồi được nợ từ khách hàng.
- Thắt chặt chính sách tín dụng: Doanh nghiệp đàm phán tốt hơn với khách hàng về thời hạn thanh toán.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét kỹ lưỡng vì nó có thể là dấu hiệu của việc giảm doanh thu hoặc mất đi khách hàng tiềm năng.

3.2.1.1 Căn cứ của biện pháp

Các khoản phải thu ngắn hạn của công ty Bảo An chiếm gần một nửa tỷ trọng trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, chứng tỏ công ty đang bị chiếm dụng vốn gây khó khăn trong việc quay vòng vốn vào chu kỳ kinh doanh của công ty, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn. Mặc dù tỷ trọng các khoản phải thu năm 2024 có điều chỉnh giảm đi 3,6% nhưng về mặt giá trị thì các khoản phải thu của công ty năm 2024 tăng 21,51% tương đương 930.374.714 đồng, tức là tăng lên gần 1/4 lần so với năm 2023.

Khoản phải thu cao khiến cho việc thu hồi công nợ của công ty không hiệu quả, kỳ thu tiền bình quân 27 ngày và tăng lên là 30 ngày so với năm trước. Do vậy yêu cầu đặt ra là công ty cần thu hồi vốn nhanh chóng hơn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình từ đó sẽ giảm nợ phải trả, giảm chi phí sử dụng vốn và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Công ty nên thu hồi bằng cách chiết khấu các đơn hàng với một tỷ lệ hợp lý, việc này kích thích khách hàng nhanh chóng thanh toán các khoản nợ hơn.

3.2.1.2 Mục tiêu của biện pháp

Mục tiêu trước mắt cho năm 2025 là giảm các khoản phải thu xuống mức giá trị xấp xỉ 3 tỷ đồng. Đây không phải là con số khó có thể đạt được. Bằng cách đó ta có thể hạ thấp tỷ trọng của các khoản phải thu ngắn hạn xuống mức 25% tổng tài sản. Đây sẽ là con số hợp lý nhất cho hoạt động kinh doanh. Như đã trình bày ở trên, các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm khoản phải thu khách hàng hoặc khoản trả trước cho người bán. Chính vì vậy, ta xây dựng nội dung thực hiện của biện pháp dựa theo 2 hướng trên, cụ thể như sau:

- Thu hồi các khoản nợ của khách hàng bằng các biện pháp chiết khấu cho đơn hàng tiếp theo nhằm thu hồi tiền mặt.
- Hạn chế trả trước cho người bán hoặc rút ngắn khoảng thời gian chờ hàng hóa nhập kho bằng cách tạo công nợ cho đơn hàng sau đó.

3.2.1.3 Nội dung của biện pháp

Biện pháp thu hồi nợ từ khách hàng:

- Áp dụng chính sách thu hồi công nợ cũ và thúc đẩy nguồn nhập tiền mặt từ đơn hàng mới như sau:

- + Trường hợp 1: Thanh toán toàn bộ công nợ, đồng thời nhập tiền mặt đơn hàng mới tối thiểu 500 triệu đồng, chiết khấu 3%.

- + Trường hợp 2: Thanh toán 50% công nợ cũ, đồng thời nhập tiền mặt đơn hàng mới tối thiểu 300 triệu đồng, chiết khấu 2,5%

- + Trường hợp 3: Thanh toán 30% công nợ cũ, đồng thời nhập tiền mặt đơn hàng mới tối thiểu 150 triệu đồng, chiết khấu 1,5%

- + Trường hợp 4: Gia hạn công nợ tối thiểu 30 ngày, đồng thời nhập tiền mặt đơn hàng mới tối thiểu 200 triệu đồng, chiết khấu 1,5%

- + Trường hợp 5: Không thanh toán công nợ cũ, nhập tiền mặt đơn hàng mới tối thiểu 500 triệu đồng, chiết khấu 2,5%

- + Trường hợp 6: Không thanh toán công nợ cũ, nhập tiền mặt đơn hàng mới tối thiểu 200 triệu đồng, chiết khấu 1%

Theo nghiên cứu, nợ phải thu KH không phải những khoản nợ khó đòi, không phải đối tượng không có khả năng thanh toán, cho nên việc thúc đẩy

chiết khấu và gia hạn công nợ sẽ rất có thể làm cho các khoản nợ ngắn hạn giảm xuống đáng kể.

3.2.1.4 Dự kiến kết quả đạt được của biện pháp

Nếu trong 100 khách hàng nợ công ty, có 50 khách hàng hợp tác với chính sách chiết khấu trên, tỷ lệ thành công sẽ tương ứng với 50%, cụ thể như sau:

- Nhóm khách hàng E: có khoản nợ > 500 triệu đồng.
- Nhóm khách hàng D: có khoản nợ từ 300 – 500 triệu đồng.
- Nhóm khách hàng C: có khoản nợ từ 100 – 300 triệu đồng.
- Nhóm khách hàng B: có khoản nợ từ 50 – 100 triệu đồng.
- Nhóm khách hàng A: có khoản nợ < 50 triệu đồng.

Nếu tỷ lệ mỗi nhóm khách hàng đồng ý với chính sách chiết khấu là 10% và giả sử mỗi nhóm khách hàng lựa chọn chính sách chiết khấu ngẫu nhiên nêu trên, ta có bảng tổng hợp sau:

Bảng 3.1: Bảng dự kiến kết quả đạt được của biện pháp tăng tốc độ thu hồi vốn bằng cách giảm các khoản phải thu

ĐVT: VNĐ

Nhóm KH	Số KH	KPT bình quân	Chính sách	CK	Công nợ cũ	Thanh toán mới	Tổng thu CN cũ	Tiền mặt huy động
Nhóm E	5	500.000.000	Trường hợp 5	2,5%	0	487.500.000	0	2.428.500.000
Nhóm E	5	500.000.000	Trường hợp 3	1,5%	150.000.000	147.750.000	750.000.000	738.750.000
Nhóm D	10	400.000.000	Trường hợp 2	2,5%	200.000.000	292.500.000	2.000.000.000	2.925.000.000
Nhóm C	10	200.000.000	Trường hợp 6	1%	0	198.000.000	0	1.980.000.000
Nhóm B	10	75.000.000	Trường hợp 4	1,5%	0	197.000.000	0	1.970.000.000
Nhóm A	10	25.000.000	Trường hợp 1	3%	25.000.000	485.000.000	250.000.000	4.850.000.000
Tổng	50						3.000.000.000	14.892.250.000

Như vậy nếu tỷ lệ thành công của biện pháp là 25%, thì các khoản nợ phải thu của công ty sẽ giảm đi 750 triệu, trong trường hợp không phát sinh các khoản phải thu khác thì các khoản phải thu của công ty còn lại là 4,5 tỷ. Đồng thời huy động được thêm hơn 3,7 tỷ tiền mặt.

Nếu tỷ lệ thành công của biện pháp là 50%, thì các khoản nợ phải thu của công ty sẽ giảm đi 1,5 tỷ, trong trường hợp không phát sinh các khoản phải thu khác thì các khoản phải thu của công ty chỉ còn lại hơn 3,7 tỷ. Đồng thời huy động được thêm gần 7,5 tỷ tiền mặt.

Nếu tỷ lệ thành công của biện pháp là 75%, thì các khoản nợ phải thu của công ty sẽ giảm đi 2,25 tỷ, trong trường hợp không phát sinh các khoản phải thu khác thì các khoản phải thu của công ty chỉ còn lại hơn 3 tỷ. Đồng thời huy động được thêm hơn 11 tỷ tiền mặt.

Còn nếu tỷ lệ thành công của biện pháp đạt hơn 90%, thì các khoản nợ phải thu của công ty sẽ giảm đi 2,7 tỷ, trong trường hợp không phát sinh các khoản phải thu khác thì các khoản phải thu của công ty chỉ còn lại hơn 2,5 tỷ. Đồng thời huy động được thêm hơn 13 tỷ tiền mặt.

Không những góp phần thu hồi những khoản nợ ngắn hạn, biện pháp trên còn huy động cho công ty một khoản tiền mặt lưu động khá cao, góp phần làm tăng doanh thu trong kỳ báo cáo. Cho dù tỷ lệ thành công của biện pháp nếu ở mức thấp hơn 25%, và kể cả không giúp cho công ty có thể thu hồi các khoản nợ nhanh chóng hơn, nhưng những lợi ích của biện pháp mang lại có thể góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh doanh của công ty, ví dụ như:

- Phần nào huy động vốn tiền mặt để giải quyết vấn đề khác.
- Tăng mối liên kết giữa khách hàng cũ và khách hàng tiềm năng.
- Công ty có cơ hội chào bán những sản phẩm chiến lược mới hoặc lấy lòng tin của khách hàng cũ bằng cách gia hạn công nợ,...

Bên cạnh đó, biện pháp cũng không tránh khỏi những rủi ro, nếu không khéo léo trong quy trình xử lý tình huống, rất có thể công ty sẽ mất đi những nguồn khách hàng vốn có, hoặc mất đi cơ hội liên kết thêm nhiều khách hàng mới. Chính vì vậy, công ty cần có hướng xử lý chuyên nghiệp, linh động để giữ chân khách hàng và tránh rủi ro nợ xấu.

3.2.2 Tăng tỷ trọng vốn CSH trong cơ cấu nguồn vốn của công ty

Trong bối cảnh kinh tế gần đây, các doanh nghiệp trong nước đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề khó khăn và nan giải. Tuy không phải lĩnh vực đòi hỏi nguồn đầu tư vốn dồi dào nhưng phải có nguồn lực dài hạn vững mạnh, một kế hoạch tài chính ổn định, sẵn sàng có thể đứng ra giải quyết mọi vấn đề khi gặp rủi ro tài chính. Có như vậy, doanh nghiệp mới trụ vững được trên thị trường cạnh tranh khốc liệt.

Cần phải xây dựng cơ cấu tài chính lành mạnh và phù hợp là yếu tố quan trọng để giảm rủi ro tài chính cho công ty cũng như đảm bảo được đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2.2.1 Căn cứ của biện pháp

Cơ cấu nguồn vốn của công ty Bảo An có sự chênh lệch lớn giữa khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu, các khoản nợ phải trả luôn chiếm tỷ trọng cao hơn hẳn so với tỷ trọng nguồn vốn chủ. Năm 2023, tỷ trọng khoản nợ phải trả chiếm tới 59,85% còn có xu hướng tăng lên mạnh mẽ hơn vào năm 2024, chiếm tới 68,39%. Ngược lại, tỷ trọng nguồn vốn CSH trong cơ cấu nguồn vốn năm 2023 chỉ chiếm 40,15%, năm 2024 lại giảm xuống còn 31,61%. Tức là cứ 10 đồng vốn kinh doanh bỏ ra thì có tới gần 7 đồng là nợ phải trả, hơn 3 đồng là vốn chủ sở hữu, điều này cho thấy mức độ chủ động về mặt tài chính của công ty Bảo An đang ở mức thấp.

Hơn nữa, xét về sự biến động nguồn vốn của công ty Bảo An, giá trị các khoản nợ phải trả năm 2024 so với năm 2023 tăng hơn 2,8 tỷ, tăng lên hơn 50% so với năm 2023. Giá trị nguồn vốn CSH năm 2024 có tăng nhưng ở mức rất thấp, chỉ tăng 3,81%. Tuy nhiên mức tăng này là do giá trị của khoản lợi nhuận chưa phân phối tăng chứ không phải của vốn đầu tư của CSH. Chứng tỏ, trong năm 2024, công ty không có kế hoạch đầu tư thêm, nguồn vốn của công ty phụ thuộc vào nợ phải trả, hay nói cách khác là công ty đang chiếm dụng nguồn vốn bên ngoài. Điều này tuy lợi mà hại. Lợi bởi công ty lợi dụng được nguồn vốn vay để phục vụ mục đích kinh doanh, nhưng lại không tự chủ được tài chính khi gặp rủi ro. Chính vì vậy việc tăng tỷ trọng của vốn CSH là thực sự cần thiết để chủ động giải quyết những rủi ro về tài chính. Song hành cùng biện pháp thứ nhất, giảm giá trị của nợ phải trả, hay nói cách khác là giảm tỷ trọng nợ phải trả trong tổng nguồn vốn.

Tỷ trọng nợ phải trả cao thường không tốt vì nó gây ảnh hưởng đến sự độc lập về tài chính của công ty. Theo lý thuyết thì đây là cơ cấu không hợp lý và có thể gây ra rủi ro thanh khoản cho công ty Bảo An. Do vậy, công ty Bảo An cần phải xem xét và điều chỉnh lại tỷ trọng nợ phải trả trong cơ cấu nguồn vốn cho phù hợp với tình hình kinh tế.

3.2.2.2 Mục tiêu của biện pháp

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu là một thành phần chính của sự ổn định tài chính của công ty và đóng vai trò là một chỉ số quan trọng đối với các nhà đầu tư và bên cho vay. Nó ảnh hưởng đáng kể đến việc đánh giá khả năng tín dụng của công ty và đóng vai trò trung tâm trong việc đánh giá hồ sơ rủi ro tài chính của công ty. Mục tiêu của biện pháp này là:

- Giúp công ty quản lý tài chính và định hướng phát triển doanh nghiệp.
- Khẳng định quy mô và khả năng tài chính của doanh nghiệp.
- Thu hút đầu tư nhờ năng lực tài chính ổn định.
- Sẵn sàng đầu tư mở rộng kinh doanh khi cần thiết.
- Sẵn sàng chi trả các khoản nợ để ngăn chặn gián đoạn hoạt động kinh doanh, cũng như chủ động hơn với những rủi ro tài chính.

Dựa vào tình hình tài chính những năm gần đây, mục tiêu trước mắt năm 2025 là cân bằng 2 nguồn vốn CSH và nợ phải trả về vị trí ngang nhau về tỷ trọng, do vậy cần đưa tỷ trọng vốn CSH tăng lên khoảng 15 – 20% so với năm 2024 tương đương với 6 tỷ đồng.

3.2.2.3 Nội dung của biện pháp

Để đạt được mục tiêu trên, công ty cần:

- Đa dạng hóa kênh huy động vốn thông qua hình thức: mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh liên kết với các công ty trong và ngoài nước, các quỹ đầu tư nước ngoài và trong nước, tìm kiếm các đối tác chiến lược,...
- Huy động vốn thông qua việc phát hành các công cụ tài chính: cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp trong và ngoài nước.
- Tăng cường quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả hơn, để tránh lãng phí và tiết kiệm được chi phí sử dụng vốn cho công ty.

- Cơ cấu lại hàng hóa dịch vụ cho phù hợp với tình hình kinh tế mới, cần nghiên cứu và đánh giá lại nhu cầu thị hiếu của thị trường trong giai đoạn khủng hoảng từ đó đưa ra chiến lược phát triển dòng sản phẩm cho phù hợp với hiện tại và trong thời gian sắp tới sẽ giúp công ty tiêu thụ hàng nhanh và xoay vòng được vốn.

- Sử dụng nguồn vốn hiện có một cách có hiệu quả: Bên cạnh các biện pháp huy động nguồn vốn dài hạn, công ty cần sử dụng nguồn vốn hiện có một cách tiết kiệm hiệu quả trong đó quan trọng nhất là sử dụng vốn lưu động một cách tiết kiệm triệt để bởi vì điều này sẽ giúp cho công ty làm giảm các khoản nợ ngắn hạn.

3.2.2.4 Dự kiến kết quả đạt được của biện pháp

Biện pháp này sẽ giúp công ty:

- Cân bằng cơ cấu tài sản và nguồn vốn.
- Giảm hệ số nợ, đồng thời tăng hệ số vốn CSH (tỷ suất tự tài trợ TSCĐ).
- Tăng tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH.
- Giúp công ty chủ động ứng phó đối với những rủi ro tài chính.
- Hạn chế sử dụng nguồn vốn vay cho đầu tư hoạt động kinh doanh.
- Nâng cao hiệu quả trong việc đầu tư kinh doanh khi đã có năng lực tài chính ổn định.

3.2.3 Kiểm soát việc sử dụng chi phí quản lý doanh nghiệp cho hợp lý

Tiết kiệm chi phí và hạ giá thành để tăng lợi nhuận là việc mà các doanh nghiệp, các công ty luôn suy nghĩ để phát triển doanh nghiệp, công ty mình. Do đó, công tác quản lý chi phí doanh nghiệp là công tác hết sức quan trọng, nếu làm tốt công tác quản lý này thì doanh nghiệp chỉ mất một khoản chi phí thấp mà hiệu quả. Và ngược lại, nếu công tác quản lý chi phí kém thì chi phí sẽ cao và làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3.2.3.1 Căn cứ của biện pháp

Kiểm soát chi phí là hoạt động thiết yếu cho bất kỳ doanh nghiệp nào. Hiểu được các loại chi phí và các nhân tố ảnh hưởng tới chi phí, chúng ta có thể kiểm soát được chi phí, từ đó có thể sử dụng hợp lý chi phí, sau cùng là

tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Điều này sẽ làm tăng tỷ suất lợi nhuận so với giá vốn hàng bán và tỷ suất lợi nhuận so với tổng chi phí. Do đó, kiểm soát và sử dụng hợp lý các khoản mục chi phí là một trong những biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng lợi nhuận cho công ty.

Qua các số liệu phân tích ở trên ta thấy chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023 là 3.523.248.330 đồng, năm 2024 tăng lên là 3.726.255.360 đồng tương ứng với tăng 5,76%. Điều này có thể lý giải bởi các chi phí bỏ ra để phục vụ hoạt động kinh doanh tăng lên do mở rộng mô hình kinh doanh, các chi phí bỏ ra để tu sửa lại văn phòng, nhà xưởng thiệt hại do thiên tai.

3.2.3.2 Mục tiêu của biện pháp

Cũng giống như tất cả các doanh nghiệp khác, mục tiêu duy nhất của việc giảm chi phí là tăng lợi nhuận, tăng hiệu quả sử dụng vốn. Bên cạnh đó nó còn là thước đo đánh giá trình độ quản lý, tổ chức của công ty.

3.2.3.3 Nội dung của biện pháp

Để giảm được các loại chi phí nói chung và chi phí quản lý doanh nghiệp nói riêng, công ty cần triển khai những kế hoạch sau:

- Nắm vững các mối quan hệ trên thị trường để phân bổ chi phí cho việc duy trì khách hàng cũ và tìm kiếm khách hàng mới.

- Cấp lãnh đạo cần phối hợp với nhân viên để tìm ra những điểm bất hợp lý trong chi tiêu. Từ đó phân loại chi phí và lập kế hoạch cụ thể để cắt giảm những chi phí không cần thiết.

- Hạn chế tối đa đối với các khoản chi cho dịch vụ mua ngoài, công ty cần phải xây dựng một định mức sử dụng hợp lý bằng cách xác định rõ nội dung, phạm vi sử dụng cho từng loại chi phí.

- Đối với các khoản: Chi phí marketing, chi tiếp khách, giao dịch hội họp, chi đối ngoại, công tác phí,... công ty cần xây dựng kế hoạch chi tiêu cụ thể theo từng thời kỳ. Các khoản chi bắt buộc phải có chứng từ hợp lệ, phải gắn với kết quả kinh doanh và phải được khống chế theo tỷ lệ tính trên tổng chi phí.

- Công ty cũng nên tổ chức các buổi nói chuyện nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm làm cho cán bộ công nhân viên tự nhận thấy rằng tiết kiệm chi phí cũng chính là đem lại lợi nhuận cho công ty.

- Kiên quyết xử lý đối với những cá nhân không hoàn thành trách nhiệm quản lý, để xảy ra những bất hợp lý trong chi tiêu.

3.2.3.4 Dự kiến kết quả đạt được của biện pháp

Việc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp góp phần làm tăng lợi nhuận. Từ đó kéo theo những chỉ số sinh lời cũng tăng theo.

Với những khoản chi phí tiết kiệm được, công ty có thể sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra hiệu quả cao hơn. Đồng thời tạo được thói quen tiết kiệm cho công nhân viên và góp phần tăng lợi nhuận.

3.3 Một số kiến nghị về tài chính và cải thiện tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An

Trên cơ sở phân tích thực trạng, ngoài những biện pháp đưa ra, luận văn xin được nêu lên một số kiến nghị nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty ở những nội dung chủ yếu sau:

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính của công ty phù hợp với điều kiện mới của nền kinh tế.

- Đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng đội ngũ cán bộ phụ trách công tác quản lý, phân tích tài chính và coi đó là hoạt động không thể thiếu trong quản lý doanh nghiệp.

- Phát huy tính hữu dụng của các thông tin trên báo cáo tài chính, là cơ sở cho việc kiểm soát tình hình tài chính cũng như việc đưa ra các quyết định đầu tư, phân chia cổ tức và nhận dạng các khả năng rủi ro của doanh nghiệp trong tương lai.

- Tăng cường công tác quản lý, định kỳ kiểm tra kiểm soát tình hình thu chi và các chỉ tiêu tài chính cơ bản.

- Nâng cấp, sửa sang lại hệ thống kho hàng, nhà xưởng một cách cần thiết để nâng cao hiệu quả cho việc bảo quản hàng hóa, hạn chế rủi ro thiệt hại tài sản cũng như hàng hóa của công ty.

- Đầu tư nghiên cứu khoa học, nhằm cung cấp những sản phẩm, dịch vụ mới đáp ứng được nhiều nhu cầu của khách hàng, giúp nâng cao sức cạnh tranh làm cơ sở tăng doanh thu và lợi nhuận cũng như hoạt động kinh doanh của công ty.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường: Hoạt động nghiên cứu thị trường là căn cứ quan trọng trong xây dựng kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. Để tiến hành nghiên cứu, phân tích thị trường, công ty cần thu thập các thông tin về thị trường một cách toàn diện như các thông tin về kinh tế, chính trị, văn hóa, pháp luật, xu hướng cung cầu của sản phẩm, dịch vụ tại thị trường, đối thủ cạnh tranh tại thị trường,... Bằng việc nghiên cứu thị trường, công ty sẽ nắm bắt được vị thế hiện tại của mình tại thị trường qua đó có thể xây dựng các kế hoạch kinh doanh một cách chính xác hơn.

- Nâng cao nhận thức, chất lượng của cán bộ quản lý cũng như nhân viên về việc tiết kiệm chi phí nâng cao lợi nhuận.

Để có được sự phát triển một cách vững chắc trên thị trường, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An cần có cái nhìn sâu rộng hơn về công tác quản lý tài chính, mạnh dạn thay đổi công tác quản lý yếu kém. Có như vậy, công ty mới có đủ năng lực để có thể đáp ứng nhu cầu khách hàng, mở rộng thị phần và cạnh tranh với các doanh nghiệp khác cùng lĩnh vực.

Dựa trên những cơ sở thực tiễn và lý luận về tài chính đã nêu tại chương 1, cùng với tình hình tài chính của công ty Bảo An đã tìm hiểu tại chương 2, dựa trên những hạn chế còn tồn đọng trong tài chính, chưa có hướng xử lý cũng như những phương hướng hoạt động của công ty trong giai đoạn tới, em đã đề xuất một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty. Cụ thể:

- Giảm tỷ trọng các khoản phải thu ngắn hạn.
- Tăng tỷ trọng vốn CSH trong cơ cấu nguồn vốn.
- Kiểm soát việc sử dụng chi phí quản lý doanh nghiệp cho hợp lý.

Những biện pháp trên được em xây dựng và tìm hiểu dựa trên tình hình tài chính trong quá trình em thực tập tại công ty Bảo An. Với những biện pháp này, em mong muốn sẽ giúp công ty thúc đẩy công tác tốt hoạt động tài chính, nhằm giảm thiểu chi phí, tăng lợi nhuận và phát triển kinh doanh.

KẾT LUẬN

Hoạt động tài chính là một trong những hoạt động cơ bản, quan trọng nhất của quá trình sản xuất kinh doanh từ huy động vốn chi tới phân phối lợi nhuận. Cùng với sự chuyển đổi của nền kinh tế và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, hiệu quả hoạt động kinh doanh ngày càng trở thành mục tiêu lâu dài cần đạt được của các doanh nghiệp. Đối với mỗi doanh nghiệp thì hiệu quả hoạt động kinh doanh thể hiện ở nhiều mặt, phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó vấn đề tài chính là một trong những yếu tố hết sức quan trọng. Việc phân tích tình hình tài chính sẽ giúp cho nhà quản lý có cái nhìn toàn diện về tình hình tài chính của doanh nghiệp, chuẩn đoán một cách đúng đắn những mặt còn tồn tại cần giải quyết trong công tác tài chính. Việc phân tích không chỉ có ý nghĩa đối với các doanh nghiệp mà nó còn rất quan trọng với các nhà đầu tư và chủ nợ trong quyết định của họ mà còn ý nghĩa với những người lao động trong doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng của công tác phân tích tài chính, với những kiến thức đã được học tập cùng với thực tập thực tế tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An, em đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: **“Phân tích tài chính và cải thiện tình hình tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An”**.

Tài chính là một vấn đề rất rộng lớn, hơn nữa do những hạn chế về trình độ và thời gian nên khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô giáo trong hội đồng tốt nghiệp cũng như những đóng góp ý kiến của các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Qua quá trình thực tập và phân tích báo cáo tài chính của công ty, em đã mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính, em hy vọng nó sẽ đóng góp một phần nhỏ vào công tác quản lý tài chính của công ty trong thời gian tới. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ Cao Thị Thu và sự nhiệt tình chỉ bảo của các cô chú, anh chị trong công ty đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đồng chủ biên GS.TS Phạm Quang Trung – PGS.TS Lê Thị Bích Ngọc (2023). *Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp*. NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.
2. TS. Lê Thị Xuân (Tái bản lần thứ 3 năm 2023). *Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp*. NXB Lao Động, Hà Nội.
3. Michael Taillard – Dịch Ngô Thế Vinh (2022). *Tài chính doanh nghiệp for Dummies*. NXB Công thương, Hà Nội.
4. TS. Nguyễn Tấn Bình (Tái bản lần thứ 12 năm 2022). *Quản trị tài chính*. NXB Tài chính, Hà Nội.
5. Đồng chủ biên PGS. TS Phạm Đức Cường – PGS. TS Trần Mạnh Dũng – PGS. TS Đinh Thế Hùng (Tái bản lần thứ nhất năm 2023). *Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành*. NXB Tài chính, Hà Nội.
6. TS. Hồ Xuân Thủy (2021). *Giáo trình Kế toán Tài chính*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
7. Tài liệu kế toán phòng Kế toán tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An.
8. Website của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An, Website: <https://baoanjsc.com.vn/>
9. Khóa luận tốt nghiệp các khóa trước.